



Everpia Vietnam JSC.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Annual report

2012



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Annual report **2012**

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENTS

I GIỚI THIỆU CHUNG	GENERAL INFORMATION	5
Tổng quan công ty	Background	6
Triết lý hoạt động	Company's philosophy	7
Lời chào của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Chairman's greetings	8
Các hoạt động nổi bật	Key information	10
II TỔNG QUAN	BACKGROUND	13
Lịch sử phát triển	Historic milestones	14
Quá trình tăng vốn điều lệ	Charter capital increasing process	16
Hoạt động kinh doanh	Business activities & Brands	18
Chi nhánh và Công ty con	Branches & Subsidiaries	20
Cơ cấu cổ đông	Shareholders structure	23
Cơ cấu tổ chức	Organization structure	24
III BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	BOARD OF MANAGEMENT REPORT	31
Đánh giá tổng quan hoạt động công ty	Business overview	32
Các cuộc họp của HĐQT trong năm	BOM Meeting in 2012	38
IV BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	BOARD OF DIRECTORS REPORT	41
Kết quả hoạt động kinh doanh	Business performance	42
Tình hình tài chính	Financial status	46
Các hoạt động phi tài chính	Non-financial performance indicator	54
V BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	AUDIT COMMITTEE REPORT	59
Giao dịch của cổ đông lớn trong năm 2012	Changes in major shareholder list in 2012	60
Giao dịch của cổ đông nội bộ	Stock transaction of internal shareholder	61
Giao dịch của người có liên quan tới cổ đông nội bộ	Stock transaction of internal shareholders' related party	61
Tỷ lệ sở hữu và thù lao của HĐQT và BKS	Rate of ownership & Remuneration of BOM and AC	62
VI ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG	PROSPECT	63
Đánh giá rủi ro	Risk Factors	64
Đánh giá triển vọng năm 2013	Prospect in 2013	66
Đánh giá triển vọng 5 năm	Prospect for the next 5 years	68
VII BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	INDEPENDENT AUDITORS' REPORT AND NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	71
LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC	NOTE TO READERS	102



I - GIỚI THIỆU CHUNG
GENERAL INFORMATION

GIỚI THIỆU CÔNG TY / COMPANY PROFILE



Everpia Vietnam JSC.

- **Tên công ty**
Company name: Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Tên Tiếng Anh
Business name: Everpia Vietnam Joint Stock Company

Tên viết tắt
Short name: Everpia Vietnam JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
Business license: 011033000055

Vốn điều lệ:
Charter capital: 279,865,180,000 đồng
- **Trụ sở chính:**
Head Office: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại:
Tel: (+84-4) 3827 6490

Fax:
Fax: (+84-4) 3678 2030

Website:
Website: www.everpia.vn

Email:
Email: info@everpia.vn

Mã cổ phiếu:
Stock code: EVE

TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG / COMPANY'S PHILOSOPHY



- **Tầm nhìn**
Trở thành công ty hàng đầu thế giới

■ **Vision**
To become the world's best Company
- **Sứ mệnh**
Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng
Kiến tạo giá trị
Phát triển thị trường

■ **Mission**
Satisfy customers
Create value
Develop markets
- **Chính sách quản lý**
Minh bạch
Sáng tạo
Giữ gìn giá trị cốt lõi

■ **Management policy**
Transparency
Creative thinking
Maintain the core value

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2012 khép lại với những khó khăn liên tiếp của chuỗi khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Everpia Việt Nam lần đầu tiên sau năm năm kể từ cổ phần hóa đã bị sụt giảm cả về doanh thu và lợi nhuận. Tổng doanh thu toàn Công ty năm 2012 đạt 680.4 tỷ đồng giảm 14.8% so với năm 2011 (đạt 798.7 tỷ đồng).

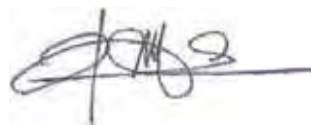
Mặc dù kết quả kinh doanh không được như kỳ vọng, niên độ tài chính 2011-2012 đã đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng, làm tiền đề cho sự phát triển lâu dài của Công ty: khai trương nhà máy số 3 tại Hưng Yên, thành lập công ty con tại Campuchia, thành lập chi nhánh Đà Nẵng, mở rộng ngành nghề kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu chăn ga và bước đầu thành công trong kế hoạch kinh doanh trực tuyến.

Bước sang năm 2013 khi công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu, dự báo nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng trưởng chậm và sự cạnh tranh khốc liệt đối với các công ty sản xuất hàng tiêu dùng, đòi hỏi Everpia Việt Nam phải không ngừng nâng cao chất lượng sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới và hiệu quả hơn trong công tác quản trị.

Tôi tin rằng với tiền đề đã gây dựng được suốt hai mươi năm hình thành và phát triển, đặc biệt là sau năm năm cổ phần hóa, với sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Everpia Việt Nam sẽ vượt qua khó khăn của năm 2013 để tiếp tục phát triển, đạt được các thành tích cao trong những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, cùng 1.054 cán bộ công nhân viên Everpia Việt Nam, xin gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào EVE. Chúng tôi đã, đang và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển mới nhằm tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Tháng 03, 2013



Lee Jae Eun
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần EVERPIA VIỆT NAM

Dear shareholders,

The year 2012 ended with continuous difficulties in both global economic crisis and domestic macro-economic issues which affected companies across Vietnam. Everpia Vietnam has suffered the first year of decrease in both sales and profit since converted into a joint stock company 5 years ago. Total sales that the Company achieved was VND680.4 bil., a decrease of 14.8% in comparison with the year 2011 (VND798.7 bil.).

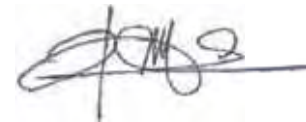
Although the business performance was not as good as expected, financial year of 2011-2012 was marked by several important milestones which would be solid foundations for the long-term development of the Company: Opening of the 3rd factory in Hung Yen; Establishment of a subsidiary in Cambodia; Establishment of Da Nang branch; business scope expansion; improvement in bedding exportation and initial success of the online business.

Entering 2013, as the economy's restructuring just begins, predicted low growth of domestic consumption and tougher competition require Everpia Vietnam to continuously improve our product quality, increase productivity, expand into new markets and raise the effectiveness of business management.

I believe that with the base of 20 years establishment and development in Vietnam, especially after 5 years since converting to a joint stock company, with the companionship of all shareholders, clients and partners, Everpia Vietnam will be able to get over the difficulties of year 2013 then continuously grow for higher achievements in the next following years.

On behalf of Board of Management, Board of Directors, together with 1,054 employees of EVERPIA Vietnam, I would like to thank to all Shareholders' faith on EVE. We were, we are and we will be always looking forward to your support in this development path, and will then return good values to both social and community.

March, 2013



Lee Jae Eun
Chairman of BOM & CEO
EVERPIA VIETNAM JSC

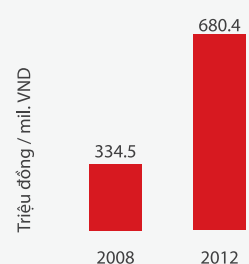
CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

LỊCH HOẠT ĐỘNG CỔ ĐÔNG

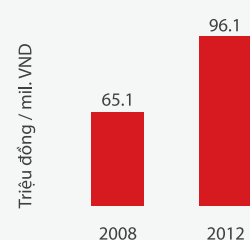
- ☛ **30/03/2012:** Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012
- ☛ **15/05/2012:** Chốt danh sách nhận cổ tức từ LNST 2011
- ☛ **25/05/2012:** Chia cổ tức
- ☛ **25/09/2012:** Niêm yết bổ sung cổ phiếu thưởng
- ☛ **25/12/2012:** Đại hội đồng cổ đông bất thường 2012 xin ý kiến cổ đông về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh

SAU 5 NĂM CỔ PHẦN / AFTER 5 YEAR CONVERTED TO JOINT STOCK COMPANY (2008 – 2012)

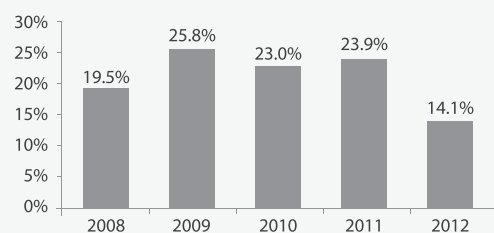
DOANH THU / SALES



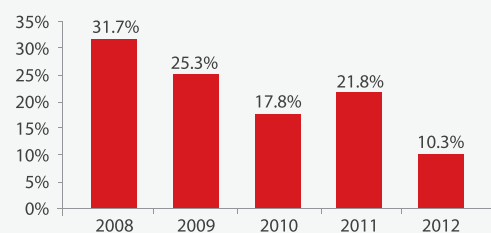
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ / PROFIT BEFORE TAX



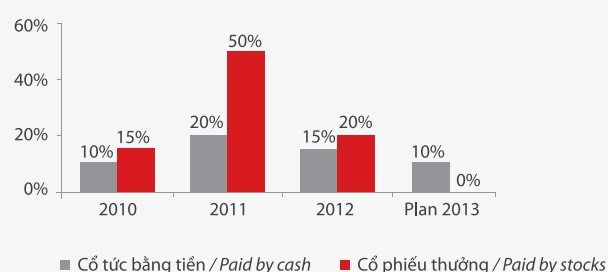
PROFIT BEFORE TAX / TOTAL SALES



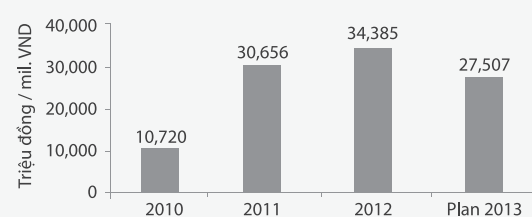
RETURN ON EQUITY



LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG / DIVIDEND PER SHARE



CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT / CASH DIVIDEND PAYMENT



KEY INFORMATION

SHAREHOLDER AGENDA

- ☛ **Mar 30th, 2012:** General Shareholders' Meeting 2012
- ☛ **May 15th, 2012:** Close Shareholders' list for dividend from NPAT 2011
- ☛ **May 25th, 2012:** Dividend distribution
- ☛ **Sep 25th, 2012:** Additional listing shares
- ☛ **Dec 25th, 2012:** Extraordinary Shareholders' Meeting 2012 for expanding business scope

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / FINANCIAL HIGHLIGHTS

(Đơn vị tính: Triệu đồng / Unit: mil. VND)

Hạng mục	Item	2012	2011	2010	2009	2008
Doanh thu & Lợi nhuận	Sales & Earnings					
Doanh thu thuần	Net Sales	680.4	798.7	563.5	423.7	334.5
Lợi nhuận từ HĐKD	Operating profit	93.8	191.0	127.7	109.6	64.6
Lợi nhuận trước thuế	Net Profit Before Tax	96.1	191.1	129.8	109.3	65.1
Lợi nhuận sau thuế	Net Profit After Tax	74.6	150.9	102.5	85.2	51.0
Tình hình tài chính tại 31/12/2012	Financial position at 31st Dec, 2012					
Tiền và tương đương tiền	Cash & Cash Equivalents	107.3	119.4	194.8	130.	20.0
Vốn lưu động	Working capital	428.1	494.5	441.2	240.4	71.5
Tổng tài sản	Total assets	899.3	849.7	669.5	416.8	230.3
Tổng nợ	Total liabilities	77.3	157.0	94.8	80.7	69.4
Vốn chủ sở hữu	Shareholder's equity	722.0	690.5	573.6	334.8	160.8
Trên mỗi cổ phiếu	Per share:					
Số lượng cổ phiếu thời điểm cuối kỳ	Year-end No. of shares	27,986,518	23,401,986	15,327,986	10,720,000	8,220,000
EPS cuối kỳ (VND)	Year-end EPS (VND)	2,674	6,443	6,669	7,985	6,194
EPS điều chỉnh (VND)	Adjusted weighted average EPS (VND)	3,048	6,519	4,790	4,564	2,911



II - TỔNG QUAN
BACKGROUND

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1993	1999	2005	2007	
↻ Thành lập nhà máy tại Hà Nội	↻ Ra mắt EVERON	↻ Thành lập chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	↻ Chuyển đổi sở hữu sang công ty cổ phần	
2010	2010	2011	2012	2012
↻ Thành lập chi nhánh Hưng Yên	↻ Niêm yết tại HOSE (Mã EVE)	↻ Thành lập chi nhánh Đồng Nai	↻ Thành lập CT TNHH Everpia Campuchia	↻ Thành lập chi nhánh Đà Nẵng

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ // INCREASING CHARTER CAPITAL

Thời gian phát hành Issue date	Đối tượng phát hành Description	Number of new shares Số cổ phiếu phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành Share capital after the new issues (VND)
06/2007	Mirae Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1 <i>Mirae Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1</i>	480,000	52,800,000,000
10/2007	Dream No.7 Investment Partnership <i>Dream No.7 Investment Partnership</i>	200,000	54,800,000,000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 / <i>Bonus share rate 2:1</i>	2,740,000	82,200,000,000
06/2009	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược / <i>Private placement</i> - CTCP Chứng khoán Bảo Việt / <i>Bao Viet Securities Company</i> - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam / <i>Agriseco</i> - Ông Trần Ngọc Bê / <i>Mr. Tran Ngoc Be</i>	2,500,000	107,200,000,000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%) / <i>Stock dividend (rate 15%)</i>	1,607,996	123,279,960,000
07/2010	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược / <i>Private placement</i> - Red River Holdings / <i>Red River Holdings</i> - Quỹ thành viên Việt Nhật / <i>Vietnam Japan Fund</i> - CTCP Quản lý quỹ FPT / <i>FPT Capital</i> - CT TNHH Đầu tư FC / <i>FC Capital</i>	3,000,000	153,279,960,000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%) / <i>Stock dividend (rate 50%)</i>	7,663,990	229,919,860,000
11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt / <i>ESOP</i>	410,000	234,019,860,000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%) / <i>Stock dividend (rate 20%)</i>	4,584,532	279,865,180,000

THE COMPANY OVERVIEW

1993	1999	2005	2007	
↻ Established Hanoi factory	↻ Launched EVERON	↻ Established Hochiminh Branch	↻ Converted to a joint stock company	
2010	2010	2011	2012	2012
↻ Established Hungyen factory	↻ Listed on HOSE (stock code: EVE)	↻ Established Dongnai Factory	↻ Established Everpia Cambodia Co., Ltd.	↻ Established Danang branch

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ // INCREASING CHARTER CAPITAL

Everpia Việt Nam được thành lập từ năm 1993, khởi đầu là công ty chuyên sản xuất nguyên vật liệu cho các công ty may xuất khẩu. Sau 20 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng được thương hiệu và hệ thống đại lý phân phối của riêng mình trên toàn quốc. Mục tiêu trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng cho các sản phẩm tại các thị trường mà Công ty hoạt động.

Đến nay, Everpia Việt Nam đã thực sự chứng tỏ vị trí dẫn đầu trong hai ngành hàng chính là Chăn - ga - gối - đệm và Bông tấm (bao gồm cả Chăn gia công). Thị phần của công ty trong ngành hàng chăn ga là 22% và Bông tấm là 31%.

Sau cổ phần hóa năm 2007, tốc độ tăng trưởng gộp hàng năm của công ty trung bình đạt 23% về doanh thu và 34% về lợi nhuận. Do nhu cầu sản xuất tăng mạnh, một nhà máy duy nhất đặt tại Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội là không đủ đáp ứng, việc đầu tư mở rộng sản xuất là cấp thiết. Năm 2009 và năm 2010, sau hai lần phát hành cổ phần riêng lẻ thành công cho các đối tác chiến lược, Everpia Việt Nam đã có đủ vốn để đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới. Năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc mua mới nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Tháng 7 năm 2011, nhà máy tại Hưng Yên được khởi công xây dựng tới tháng 11 năm 2012 nhà máy đã chính thức đi vào hoạt động. Việc đầu tư mua mới đã nâng tổng công suất công ty lên gấp đôi.

Cuối năm 2010, nhằm mục tiêu nâng cao hơn nữa vị thế của công ty tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, Everpia Việt Nam bắt đầu niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán Tp. HCM với mã giao dịch là EVE.

Everpia Vietnam was established in 1993, and specialized in producing materials for garment export companies. After nearly 20 years of operation, the Company has successfully built its own nationwide brands and distribution network. Everpia Vietnam's objective is to be a customer's first choice for products in the categories offered, in the markets in which the Company operates.

To date, Everpia Vietnam believes that it has occupied the leading position in two main business lines, Bedding and Padding (including Quilting processing) with wholesale market share of approximately 22% and 31% respectively in 2012.

Since converted to a Joint Stock Company in 2007, the Company's average compound annual growth rate has been 23% in revenue and 34% in profit. While production demand increased significantly, one factory in Duong Xa – Gia Lam – Ha Noi was not enough, so the need to expand was imperative. Following two successful private placements in 2009 and 2010, Everpia Vietnam mobilized enough capital to invest in more capacity. In 2010, the Company bought a factory in Bien Hoa I Industrial Zone, Bien Hoa, Dong Nai. In July, 2011, Everpia Vietnam started breaking ground for a new factory in Hung Yen and began operation in November 2012. With these investments, the production capacity of Everpia Vietnam should be doubled.

Aiming to promote the Company's image for both domestic and exportation markets, Everpia Vietnam has been listed on the HOSE since late 2010 with the stock code of EVE.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA

Tuy khởi đầu là công ty chuyên sản xuất Bông tấm, ngành hàng mang lại đa phần lợi nhuận cho Everpia Việt Nam hiện nay là kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm. Các dòng thương hiệu của Everpia Việt Nam đáp ứng đa dạng nhu cầu của các đối tượng khách hàng khác nhau bằng những sản phẩm có giá trị sử dụng cao và thiết kế sáng tạo và độc đáo. Everpia Việt Nam tin tưởng rằng, với thương hiệu hàng đầu tại thị trường chăn ga nội địa (Everon), thương hiệu cao cấp sang trọng (Artemis) và các sản phẩm chăn ga thiết kế riêng biệt (Edelin & các dòng sản phẩm chăn ga đặc biệt) đều tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

- **Everon:** Thương hiệu chăn ga đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam, sau 14 năm có mặt trên thị trường, vẫn luôn là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng. Lấy cảm hứng từ vạn vật xung quanh, hai dòng sản phẩm chính Everon Print (vải in) và Everon Solid (vải trơn) đa dạng về màu sắc và kiểu cách. Với chất liệu vải 100% cotton, hợp lý về giá cả, phù hợp với khí hậu Việt Nam, Everon đã và sẽ luôn duy trì vị trí số một tại thị trường chăn ga.

- **Cutie Everon:** là nhãn hiệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm dành cho trẻ em. Sản phẩm được làm từ chất liệu vải cotton và nhuộm thủ công bằng nguyên liệu tự nhiên nên không gây kích ứng da và tốt cho sức khỏe của bé.

- **Artemis:** Mang tên nữ thần sắc đẹp trong truyền thuyết Hi Lạp, dòng sản phẩm cao cấp Artemis thực sự nổi bật với những thiết kế sang trọng, độc đáo, mang đậm phong cách cổ điển Châu Âu. Chất liệu vải cao cấp được dệt tỉ mỉ công phu, họa tiết tinh tế, trang nhã cùng những phụ kiện đính kèm như dây trang trí, đá, cườm... đã tạo nên những bộ sản phẩm thực sự khác biệt.

- **Edelin:** Chính thức có mặt trên thị trường từ tháng 7/2011, dòng sản phẩm Edelin được xây dựng để đáp ứng nhu cầu của phân khúc khách hàng có thu nhập vừa phải với mong muốn tìm kiếm một thương hiệu mà họ biết và tin tưởng. Edelin đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng về độ bền, sự thoải mái, và khả năng chi trả khi mua sản phẩm. Danh mục sản phẩm cung cấp của mỗi thương hiệu đều có đầy đủ chăn, ga, gối, các loại ruột và các loại đệm (đệm bông ép, đệm lò xo, đệm than hoạt tính).

- **Đệm bông ép:** Được làm từ chất liệu bông tấm PE, tạo độ đàn hồi cao và không bị lún, xẹp. Vỏ đệm sử dụng chất liệu vải gấm jacquard nên có độ bền cao và hình thức đẹp. Đệm thông khí tốt, thoát ẩm nhanh, có thể giặt được bằng nước nên đảm bảo an toàn vệ sinh và phù hợp điều kiện thời tiết nóng ẩm ở Việt Nam. Đệm có độ phẳng cao giúp tuần hoàn máu tốt, không gây cong vẹo cột sống, đặc biệt tốt cho trẻ em đang trong quá trình phát triển xương và cơ thể, không gây mệt mỏi sau khi ngủ, giúp lấy lại trạng thái tinh thần sảng khoái sau giấc ngủ. Ngoài ra, đệm có thể gấp gọn lại sử dụng như sofa, nhẹ nhàng và dễ di chuyển.



BUSINESS ACTIVITIES

BEDDING BUSINESS

Initially specializing in Padding production, the Company launched and developed Bedding business which have become the main activities, generating higher profits. Everpia Vietnam's high-value added and well-designed bedding products under various brands address all consumer preferences. Everpia Vietnam believes that going to market with one of the leading brands in the domestic bedding industry (Everon), one of the luxury brands (Artemis), and differentiated specialty bedding offerings (Edelin & special bedding lines) gives the Company a competitive advantage and strengthens the relationships with customers by offering sleep solutions to a broad group of consumers.



- **Everon:** the first bedding brand in Vietnam, it has always been the top choice of consumers during 14 years of operation. Everon products design is inspired by the natural surrounding. The two major product lines, Everon Print (EP) and Everon Solid (ES) offer varied colors and styles. With 100% cotton fabric, reasonable prices, and being highly compatible with Vietnam's climate, Everon will certainly maintain the number one position in the bedding market.

- **Cutie Everon:** is children bedding brand made of cotton and handmade dyed using natural materials to not irritate the skin and good for baby's health.



- **Artemis:** Being named after an ancient Greek goddess, Artemis products, made out of luxury material really stand out due to its sophisticated and unique designs. The essence of the brand and its collections are revealed in the detailed embellishments inspired by European classical style. High-grade fabric with elaborately-detailed, delicate and elegant embroidery patterns, and attached accessories such as piping, stones, beads, etc. have created the real distinction.



- **Edelin:** Officially entered the market in July 2011, Edelin products are built to meet the needs of consumers who seek a brand they know and trust. Aimed at satisfying the three fundamental needs when purchasing bedding products – durability, comfortable and affordability – each Edelin product made out of quality and soft fabrics at an affordable price.

Bedding products are available in blankets, bed sheets, pillows, inserts, and various type of mattress (polyester mattress, spring mattress, and charcoal memory foam mattress).



- **Polyester Mattress:** Made of polyester which is resilient, the mattress cover is made of Jacquard brocade which is durable and has an elegant appearance. PE mattress is vented, quick drying, washable and therefore ensures a sanitary condition, suitable for Vietnam's hot and humid weather. The PE mattress has high flatness which is helpful for blood circulation, and is good for spinal protection (especially for growing children). Moreover, because of its 3-piece design, the PE Mattress can be folded to use as a sofa, and is light and easily transportable.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA

- **Đệm lò xo:** Được làm từ thép nhập khẩu (thép Carbon – Chất liệu không gỉ) và một hệ thống chống lún trung tâm tạo cảm giác thoải mái cho xương sống. Lò xo của đệm còn có độ xoắn cao và hệ thống gia cố góc. Mặt khác, sản phẩm có lớp vải bọc bằng vải jacquard có khả năng khử mùi và diệt khuẩn bảo đảm vệ sinh cho người sử dụng. Đặc biệt, ưu điểm của sản phẩm là có thể sử dụng được cả 2 mặt: 1 mặt mềm, 1 mặt cứng. Đệm lò xo của Everpia Việt Nam đem lại cho người tiêu dùng cảm giác tận hưởng những giây phút thư giãn trên một chiếc giường thật sự thoải mái. Ba yếu tố “thoải mái”, “chất lượng” và “lâu bền” tạo nên đặc trưng cho sản phẩm đệm lò xo của Everpia Việt Nam.



- **Đệm và gối than hoạt tính:** Là dòng sản phẩm đặc biệt của Công ty. Sản phẩm là sự kết hợp độc đáo giữa sự mềm mại của bông tằm với tính năng khử độc hiệu quả và chống lại tia đất của than hoạt tính. Nhờ vậy, loại đệm này được đánh giá là rất tốt cho sức khỏe của người sử dụng. Than hoạt tính của sản phẩm còn có thể phát tán nhiệt và lan tỏa đều khắp cơ thể, giữ nhiệt độ và độ ẩm cho cơ thể, phòng ngừa, diệt vi khuẩn và có tác dụng khử mùi. Đệm than hoạt tính giúp phân bố đều trọng lượng cơ thể, giống như có hàng tỷ lò xo hỗ trợ. Áp lực được trải đều trên toàn bộ vùng tiếp xúc giữa đệm và cơ thể, làm giảm các vị trí gây căng thẳng và các nhu cầu trở mình trong khi ngủ. Các điểm áp lực được giảm đáng kể lên đến 80% là tính năng mà chỉ đệm than hoạt tính mới có. Trần trực là nguyên nhân hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng của giấc ngủ, đây là loại gối và đệm tốt nhất dành cho những người đang trong tình trạng căng thẳng thần kinh và những người đang cần sự chăm sóc tốt cho sức khỏe.



NGÀNH HÀNG BÔNG TẮM

Ít được người tiêu dùng biết tới, nhưng Bông tằm là ngành nghề kinh doanh cơ bản của Everpia Việt Nam trong các năm qua. Bên cạnh các sản phẩm có Giấy phép sản xuất độc quyền tại Việt Nam, Công ty còn tự nghiên cứu và phát triển là các dòng sản phẩm bông mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác và khách hàng.

- **Dexfil:** Thương hiệu DEXFIL là sản phẩm bông Low Denier được Everpia Việt Nam nghiên cứu, phát triển và cung cấp trên toàn thế giới, sản phẩm đã được chứng nhận là an toàn và thân thiện với môi trường. Bông Dexfil là loại bông nhẹ và mỏng, có tính năng giữ nhiệt bằng việc lưu giữ không khí tối ưu, duy trì hình dáng ban đầu sau khi giặt, được phát triển trong nước nên có giá thành rẻ hơn rất nhiều so với các sản phẩm Low Denier thông thường khác.



- **Thermolite:** Everpia Việt Nam là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam nhận được chứng chỉ sản xuất độc quyền các sản phẩm bông THERMOLITE của INVISTA, Hoa Kỳ. Sản xuất từ nguyên liệu giữ nhiệt đặc thù của Invista kết hợp giữa xơ sợi Micro và xơ sợi dạng mềm, Thermolite có khả năng giữ ấm hơn tới 30% so với các nguyên liệu giữ nhiệt khác cùng trọng lượng.



BUSINESS ACTIVITIES

BEDDING BUSINESS

- **Spring mattress:** Made of imported stainless carbon steel and has the centered anti-sagging system which comforts customers' spines. Simultaneously, springs are well-twisted with an angle reinforcement system. In addition, this product is covered by jacquard brocade reducing odor and ensures a sanitary environment for customers. Everon spring mattress can be used on both sides: one hard and one soft. Everpia Vietnam's spring mattress offers a commitment to help people enjoy the pleasures of life on truly comfortable bedding. It is characterized by a true feeling that is synonymous with "comfort", "quality", and "durable".



- **Charcoal memory foam mattress and pillows:** This is a special category which combines the softness of padding with the effective sterilization of activated charcoal. Charcoal of this mattress can maintain heat through out the entire body, kills bacteria and reduces odor. Everpia Vietnam offers good quality memory foam mattresses distribute body weight evenly, like having billions of little springs supporting the body. As the body weight is spread on the mattress, it diminishes stress and the need to change positions when asleep. Pressure points are significantly reduced, up to 80%, which only memory foam can provide. Tossing and turning is the leading cause of a poor night's sleep which is drastically reduced with a memory foam mattress. This is the best choice for people who have health issues or stress.

PADDING BUSINESS

Padding is made out of polyester staple fiber and is used as jacket filler. Although Padding is a light industrial manufacturing product and has not been well-known by consumers, demand for padding has been increasing, driven by Vietnam jacket production and exports as Vietnam enjoys undeniable competitive advantages in garment and textile production. The Company not only has exclusive license but also has researched and developed new product to meet the increasing requirements of its customers.



- **Dexfil:** the Low Denier padding under the brand name DEXFIL, researched & developed and offered worldwide by Everpia Vietnam, has been certified as a safe and environmentally-friendly product. Dexfil is light and thin, has the ability to retain warmth by optimum air retention, and keeps its original shape after washing. Due to being locally produced and developed, it costs less than other Low Denier padding.

- **Thermolite:** Everpia Vietnam is the only enterprise in Vietnam which has received an exclusive production license for THERMOLITE of INVISTA, US. Made of Invista's proprietary materials, which are a combination of Micro and soft fibers, this padding can retain warmth 30% better than other thermal materials of the same weight.

CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON

DANH SÁCH NHÀ MÁY / MANUFACTURING SITES

Everpia Việt Nam hiện có 3 nhà máy sản xuất (Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai) cung cấp các sản phẩm của công ty trên toàn quốc. Hoạt động của nhà máy tại Hà Nội chủ yếu là sản xuất bông tấm và bông chần, còn nhà máy tại Hưng Yên sản xuất các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm.

Everpia Vietnam has three manufacturing plants (one in Hanoi, one in Hung Yen, and the other in Dong Nai) which distribute products across the country. The manufacturing operations in Ha Noi consist of padding and quilting, and the factory in Hung Yen deals with all kind of bedding items.

Nhà máy Manufacturing sites	Số lượng trang thiết bị máy móc Equipment	Số lượng CBCNV Number of Employees
<p>Nhà máy Hà Nội <i>Ha Noi Factory</i></p> <p>Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội <i>Duong Xa – Gia Lam – Ha Noi</i></p> <p>Diện tích: 15,000m² <i>Factory size: 15,000sqm</i></p> <p>Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tấm <i>Main activities: Padding business</i></p> <p>Công suất hoạt động: 15 triệu yards Bông tấm <i>Production capacity: 15 million yards of padding</i></p> <p>Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 3827 6492</p>	<p>- 02 dây chuyền sản xuất bông tấm <i>- 02 Padding Production lines</i></p> <p>- 04 máy suốt chỉ <i>- 04 Shuttle machines</i></p> <p>- 21 máy chần <i>- 21 Quilting machines</i></p>	<p>124 CBCNV <i>124 employees:</i></p> <p>- 12 lao động gián tiếp <i>- 12 indirect</i></p> <p>- 112 lao động trực tiếp <i>- 112 direct</i></p>
<p>Nhà máy Hưng Yên <i>Hung Yen Factory</i></p> <p>Tân Quang – Văn Lâm – Hưng Yên <i>Tan Quang – Van Lam – Hung Yen</i></p> <p>Diện tích: 17,670m² <i>Factory size: 17,670sqm</i></p> <p>Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm <i>Main activities: Bedding business</i></p> <p>Công suất hoạt động: 5 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm <i>Production capacity: 5 million bedding items</i></p> <p>Tel: (84-321) 3791 777 Fax: (84-321) 3791 999</p>	<p>- 01 dây chuyền sản xuất ruột chần <i>- 01 Insert production line</i></p> <p>- 01 dây chuyền sản xuất đệm <i>- 01 PE mattress production line</i></p> <p>- 01 máy thổi ruột gối <i>- 01 Pillow blowing machine</i></p> <p>- 02 máy suốt chỉ <i>- 02 Shuttle machines</i></p> <p>- 07 máy chần chần <i>- 07 One-head quilting machines</i></p> <p>- 10 máy thêu <i>- 10 Embroidery machines</i></p> <p>- 15 máy chần <i>- 15 Quilting machines</i></p> <p>- 191 máy may <i>- 191 Sewing machines</i></p>	<p>529 CBCNV <i>529 employees</i></p> <p>- 102 lao động gián tiếp <i>- 102 indirect</i></p> <p>- 427 lao động trực tiếp <i>- 427 direct</i></p>
<p>Nhà máy Đồng Nai <i>Dong Nai Factory</i></p> <p>Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai <i>Lot 4, Bien Hoa I Industrial park, Bien Hoa, Dong Nai</i></p> <p>Diện tích: 37,762sqm <i>Factory size: 37,762sqm</i></p> <p>Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tấm, Chăn – ga – gối – đệm <i>Main activities: Padding & Bedding business</i></p> <p>Công suất sản xuất: 15 triệu yard Bông tấm & 2 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm <i>Production capacity: 15 million yards padding & 2 million bedding items</i></p> <p>Tel: (84-61) 8869 161 Fax: (84-61) 8869 151</p>	<p>- 01 dây chuyền sản xuất đệm <i>- 01 PE mattress production line</i></p> <p>- 01 dây chuyền sản xuất ruột chần <i>- 01 Insert production line</i></p> <p>- 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo <i>- 01 Spring mattress production line</i></p> <p>- 02 dây chuyền sản xuất bông <i>- 02 Padding Production lines</i></p> <p>- 06 máy thêu <i>- 06 Embroidery machines</i></p> <p>- 07 máy chần chần <i>- 07 One-head quilting machines</i></p> <p>- 07 máy suốt chỉ <i>- 07 Shuttle machines</i></p> <p>- 17 máy chần <i>- 17 Quilting machines</i></p> <p>- 144 máy may <i>- 144 Sewing machines</i></p>	<p>401 CBCNV <i>401 employees</i></p> <p>- 109 lao động gián tiếp <i>- 109 indirect</i></p> <p>- 292 lao động trực tiếp <i>- 292 direct</i></p>

BRANCHES & SUBSIDIARIES



CHI NHÁNH GIAO DỊCH / TRADING BRANCHES

<p>Chi nhánh giao dịch Hồ Chí Minh Địa chỉ: Số 85 đường An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh Diện tích: 107m² Tel: (84-8) 6261 2078 Fax: (84-8) 6261 1541</p>	<p>Hochiminh transaction branch Address: 85 An Duong Vuong street, Ward 8, District 5, Hochiminh City Showroom size: 107sqm Tel: (84-8) 6261 2078 Fax: (84-8) 6261 1541</p>
<p>Chi nhánh giao dịch Đà Nẵng Địa chỉ: Số 379-381 đường Ông Ích Khiêm, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Diện tích: 356m² Tel: (84-51) 1381 5579 Fax: (84-51) 1381 5679</p>	<p>Da Nang transaction branch Address: No. 379-381 Ong Ich Khiem street, Hai Chau 2 ward, Hai Chau district, Da Nang City Showroom size: 356sqm Tel: (84-51) 1381 5579 Fax: (84-51) 1381 5679</p>

DANH SÁCH CÔNG TY CON / SUBSIDIARIES

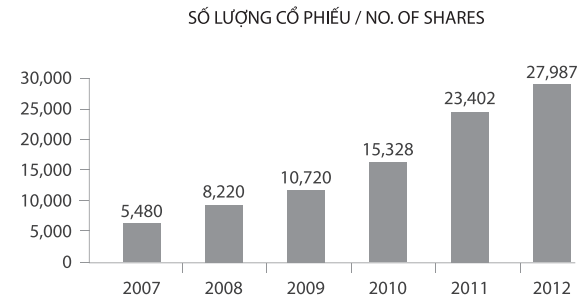
STT No.	Tên công ty Subsidiary	Ngành nghề Business scope	Vốn điều lệ Charter Capital	Tỷ lệ sở hữu của Everpia Việt Nam Percentage of ownership	Địa chỉ Address
1	Công ty cổ phần Mattpia Việt Nam <i>Mattpia Vietnam Joint Stock Company</i>	Nhập khẩu các nguyên vật liệu để sản xuất các loại nệm và sản phẩm liên quan. <i>Import materials for production of mattress and related items</i>	9,600,000,000	58%	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
2	Công ty TNHH Everpia Campuchia <i>Everpia Cambodia Company Limited</i>	Thực hiện quyền phân phối và xuất nhập khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Campuchia <i>Trading and Im-exporting non-woven fabric, filter cloth, felt, blanket, bed cover, pillow, mattress, sleeping bag, kit-bag, handbag, underwear and other garment products in accordance to Cambodia regulation.</i>	10,000,000,000	100%	Monivong Blvd, St. 360, Phnom Penh, Cambodia

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG / SHAREHOLDERS STRUCTURE

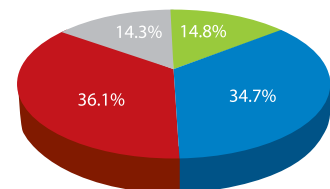
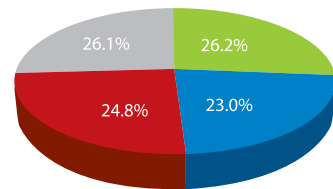
CỔ PHẦN / SHARES

Trong năm Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức 2011 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%, do đó tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty năm 2012 đã tăng từ 23.401.986 cổ phần lên 27.986.518 cổ phần. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Within 2012, the Company had paid 2011 dividend by stock at rate of 20% to all existent shareholders, hence the number of outstanding shares was increased from 23,401,986 to 27,986,518. All of these are unrestricted ordinary shares.



Cơ cấu cổ đông / Shareholder Structure



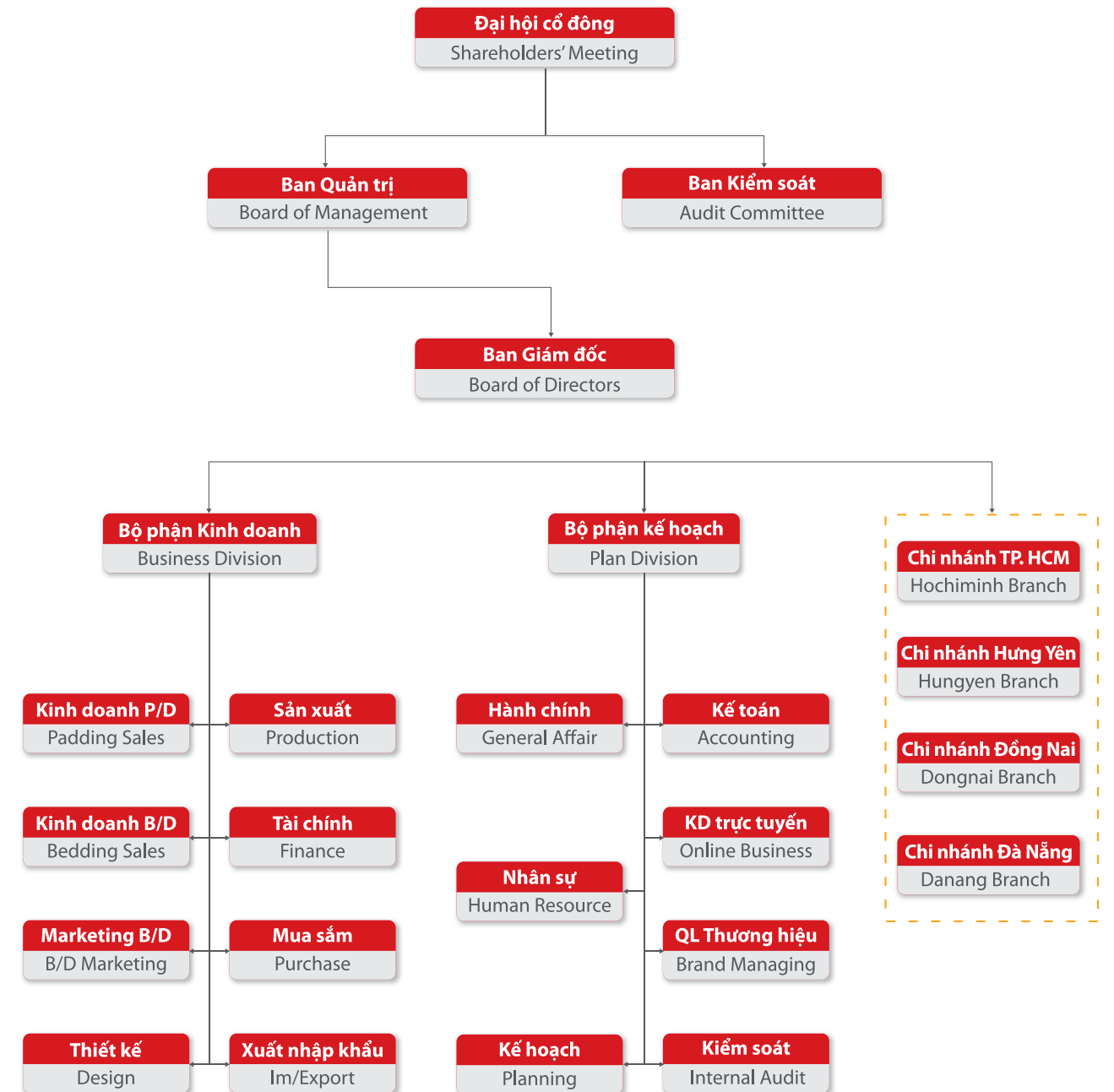
- Cá nhân trong nước / Local Individual
- Cá nhân nước ngoài / Foreign Individual
- Tổ chức trong nước / Local Institution
- Tổ chức nước ngoài / Foreign Institution
- Cổ đông lớn trong nước / Local major shareholders
- Cổ đông lớn nước ngoài / Foreign major shareholders
- Cổ đông khác trong nước / Other Local shareholders
- Cổ đông khác nước ngoài / Other Foreign shareholders

Cơ cấu cổ đông theo số lượng / Number of Shareholders

Loại hình sở hữu / Type of ownership	Số lượng cổ đông / Number of shareholders				Số lượng cổ phiếu / Number of shares			
	Cá nhân / Individual	Tổ chức / Institution	Cộng / Total	Tỷ lệ / Rate	Cá nhân / Individual	Tổ chức / Institution	Cộng / Total	Tỷ lệ / Rate
Hội đồng quản trị / BOM	4		4	1.24%	4,780,170		4,780,170	17.08%
Ban Kiểm soát / AC	1		1	0.31%	12,420		12,420	0.04%
Giám đốc Tài chính / CFO	1		1	0.31%	3,730		3,730	0.01%
Kế toán trưởng / Chief Accountant	1		1	0.31%	2,400		2,400	0.01%
Người được ủy quyền CBTT / Authorized for disclosure information	1		1	0.31%	320,240		320,240	1.14%
Cổ phiếu quỹ / Treasury shares		1	1	0.31%		479,300	479,300	1.71%
CBCNV / Employees	41		41	12.69%	4,404,742		4,404,742	15.74%
Cổ đông ngoài / Other shareholders								
Trong nước / Local	236	13	249	78.02%	4,066,837	6,462,973	10,529,810	37.62%
Nước ngoài / Foreign	11	9	20	6.50%	156,584	7,297,122	7,453,706	26.63%
Tổng / Total	296	23	319	100.00%	13,747,123	14,239,395	27,986,518	100.00%

CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC / ORGANIZATION CHART



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BOARD OF MANAGEMENT MEMBERS



Ông Lee Jae Eun
Chủ tịch HĐQT /
TGD

Năm sinh: 1964

Trình độ: Cử nhân kinh tế - Đại học Sung Kyun Kwan

Quá trình công tác:

- 1990 - 2000: Trưởng phòng - Công ty TNHH Hanil Leasing Hàn Quốc
- 2000 - 2006: Giám đốc - Công ty TNHH Dream Venture, Hàn Quốc
- 2007 - nay: Tổng giám đốc - Công ty CP Everpia Việt Nam



Cho Yong Hwan
Thành viên HĐQT /
Phó TGD

Năm sinh: 1965

Trình độ: Cử nhân Khoa học Hóa học Polymer - Đại học Quốc gia Kyung Buk

Quá trình công tác:

- 1999 - 2006: Giám đốc kinh doanh bộ phận Chăn - ga - gối - đệm - Công ty TNHH Everpia Việt Nam
- 2006 - 2007: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Textile & Garment
- 2007 - nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP Everpia Việt Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BOARD OF MANAGEMENT MEMBERS



Nguyễn Văn Đào
Thành viên HĐQT /
Giám đốc HCNS

Năm sinh: 1950

Trình độ: Cử nhân Thăm dò Khoáng sản - Đại học Mỏ Jung Jin Bắc Triều Tiên

Quá trình công tác:

- 1973 - 1995: Liên đoàn bản đồ địa chất miền Bắc
- 1995 - 1999: Công ty Giày thể thao Samyang
- 2000 - nay: Giám đốc Bộ phận Hành chính Nhân sự



Lee Je Won
Thành viên HĐQT /
Giám đốc Chi nhánh HCM

Năm sinh: 1967

Trình độ: Cử nhân Khoa học Quản trị cộng đồng - Đại học Hanyang

Quá trình công tác:

- 1993 - 2002: Công ty Bảo hiểm Merits, Hàn Quốc
- 2002 - 2003: Công ty Rorell, Hàn Quốc
- 2003 - 2004: Công ty SI Partners, Hàn Quốc
- 2006 - nay: Giám đốc chi nhánh HCM - Công ty CP Everpia Việt Nam

Mr. Lee Jae Eun
Chairman of BOM /
CEO

Year of birth: 1964

Education: Bachelor of Economic - Sung Kyun Kwan University

Working Experience:

- 1990 - 2000: Manager - Hanil Leasing Co. Ltd., Korea
- 2000 - 2006: Director - Dream VentureCapital Co. Ltd., Korea
- 2007 - now: General Director - Everpia Vietnam JSC

Cho Yong Hwan
BOM member /
Senior director

Year of birth: 1965

Education: Bachelor of Polymer Science - Kyung Buk National University

Working Experience:

- 1999 - 2006: Director of Bedding Sales - Everpia Vietnam Co. Ltd
- 2006 - 2007: Deputy Director - Textile & Garment Co. Ltd
- 2007 - now: Senior Director - Everpia Vietnam JSC.

Mr. Nguyen Van Dao
BOM member / Director of General Affair and Human Resources

Year of birth: 1950

Education: Bachelor of Mineral & Metal Science - Jung Jin North Korea University of Mining

Working Experience:

- 1973 - 1995: Federation Geological Themactic Maps in Northern
- 1995 - 1999: Samyang Vietnam Co. Ltd
- 2000 - now: Director of General Affair & Human Resources at Everpia Vietnam JSC

Lee Je Won
BOM member / Director of Hochiminh branch

Year of birth: 1967

Education: Public Administration of Hanyang University

Working Experience:

- 1993 - 2002: Merits Insurance, Korea 2002 - 2003: Rorell Company, Korea
- 2003 - 2004: SI Partners, Korea
- 2006 - now: Director of Hochiminh Branch - Everpia Vietnam JSC

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BOARD OF MANAGEMENT MEMBERS



Bà Lê Thị Thu Hiền
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ:

- Cử nhân tín dụng ngân hàng - Học viện Ngân hàng
- Chương trình sau Đại học - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright
- Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán - Chương trình đào tạo của UBCKNN

Quá trình công tác:

- 1996 - 2000: Chuyên viên - Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam
- 2000 - 2007: Trưởng phòng Tư vấn, Tài chính doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 2007 - 2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty chứng khoán Thủ Đô
- 2007 - 2009: Phó Tổng Giám đốc - Công ty chứng khoán Eurocapital
- 2009 - 2010: Tổng Giám đốc - Công ty chứng khoán Eurocapital
- 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty chứng khoán Habubank



Ông Ngô Phương Chí
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1970

Trình độ: Cao học và nghiên cứu sinh tiến sỹ chuyên ngành Tài chính quốc tế - Đại học Hitotsubashi, Nhật bản

Quá trình công tác:

- 1995 - 2005: Chuyên viên, Phó trưởng Phòng - Vụ Tài chính Đối ngoại, Bộ Tài chính
- 2005 - 2010: Trưởng phòng Tư vấn, Phó Tổng GD - Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
- 2010 - 2011: Tổng Giám Đốc - Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Thành
- 2012 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Công nghệ và Đầu tư Vinafins

Mrs. Le Thi Thu Hien
Thành viên HĐQT

Year of birth: 1974

Education:

- Bachelor of Bank Credit - The Institute for Banking
- Postgraduate - Program Fulbright Economic Teaching
- Securities Professional - State Securities commission of Vietnam

Working Experience:

- 1996 - 2000: Officer - Bank for Investment and Development of Vietnam
- 2000 - 2007: Consulting Manager - BIDV Securities Company
- 2007 - 2007: Deputy Director - Capital Securities Company
- 2007 - 2009: Deputy Director - EuroCapital Securities Company
- 2009 - 2010: Director - EuroCapital Securities Company
- 2011 - now: Deputy Director - Habubank Securities Company

Mr. Ngo Phuong Chi
BOM member

Year of birth: 1970

Education: Master & Doctoral research student in International Finance, Hitotsubashi, Tokyo, Japan

Working Experience:

- 1995 - 2005: Officer, Chief Deputy of Department of External Finance - External Finance, Ministry of Finance
- 2005 - 2010: Consulting Manager, Deputy General Director - Bao Viet Securities Company
- 2010 - 2011: General Director - Viet Thanh Financial Investment JSC
- 2012 - now: Chairman & CEO - Vinafins Investment & Technology & Co.ltd

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BOARD OF MANAGEMENT MEMBERS



Jean Charles Belliol
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1958

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường ĐH Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1982 - 1984: Kế toán trưởng - Công ty SCET Cameroun
- 1984 - 1988: Chuyên viên - Ngân hàng Credit Lyonnais, chi nhánh La Defense, Pháp
- 1988 - 1991: Chuyên viên cao cấp ban Tài Chính cấu trúc - Ngân hàng Credit Lyonnais, Paris, Pháp
- 1991 - 1992: Chuyên viên ban Tài Chính đầu tư - Ngân hàng Credit Lyonnais, Paris, Pháp
- 1992 - 1995: Trợ lý trưởng ban Tài Chính doanh nghiệp - Ngân hàng Credit Lyonnais, Paris, Pháp
- 1996 - 1997: Ban Tài Chính dự án - Ngân hàng Credit Lyonnais, Paris, Pháp
- 1997 - 2001: Phó phòng Tài chính cấu trúc - Ngân hàng Credit Lyonnais- Nhật Bản
- 2001 - 2004: Tổng Giám Đốc - Ngân hàng Credit Lyonnais - Việt Nam
- 2004 - 2007: Tổng Giám Đốc - Ngân hàng Calyon- Việt Nam
- 2008 - nay: Trưởng Đại Diện Văn Phòng Hà Nội - CTCP Quốc Tế Trí Tín

Chức danh Thành viên HĐQT ở các công ty khác:

- Thành viên HĐQT Tập đoàn FPT
- Thành viên HĐQT Công ty Quốc tế Trí Tín

Jean Charles Belliol
Thành viên HĐQT

Year of birth: 1958

Education: Master in Business Administration - French Business school

Working Experience

- 1982 - 1984: Chief Accountant - SCET Cameroun
- 1984 - 1988: Corporate Officer - Credit Lyonnais, La Defense Branch, France
- 1988 - 1991: Senior Officer at Structure Finance Division - Credit Lyonnais, Paris, France
- 1991 - 1992: Officer at Investment Department - Credit Lyonnais, Paris, France
- 1992 - 1995: Assistant to Senior Officer at Corporate Department - Credit Lyonnais, Paris, France
- 1996 - 1997: Officer of Project Finance Department - Credit Lyonnais, Paris, France
- 1997 - 2001: First Vice President at Structure Finance Department - Credit Lyonnais, Japan
- 2001 - 2004: Senior Country Officer - Credit Lyonnais, Vietnam
- 2004 - 2007: Senior Country Officer - Calyon Corporate and Investment Bank, Vietnam
- 2008 - now: Chief Representative in Hanoi - Tri Tin International JSC

BOM Member position in other company:

- BOM member of FPT Corporation.
- BOM member of Tri Tin Internation Company

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT / AUDIT COMMITTEE MEMBERS



Ông Trương Tuấn Nghĩa
Trưởng BKS

Năm sinh: 1970

Trình độ:

- 1999 - 2000: Cử nhân Tài chính kế toán - Trường Quản trị Kinh doanh Deventer, Hà Lan
- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ESCP Europe - Paris Dauphine

Quá trình công tác:

- 2001 - 2002: Nhân viên - Công ty Nissin Corporation
- 2002 - 2003: Cung cấp dịch vụ kế toán cho Công ty IBM Việt Nam
- 2002 - 2007: Phó phòng Tư vấn tài chính - Công ty Deloitte Việt Nam
- 2007 - 2008: Giám đốc Tư vấn - Công ty CP Chứng khoán Tân Việt
- 2009 - nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Châu Á



Suh Seung Chul
AC members

Năm sinh: 1967

Trình độ: Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Sogang

Quá trình công tác:

- 1991 - 1997: Giám đốc bộ phận Hành chính - Công ty TNHH Hanil Leasing, Hàn Quốc
- 1997 - 1999: Giám đốc bộ phận thu mua - Công ty TNHH Samsung Card, Hàn Quốc
- 1999 - 2000: Trưởng bộ phận bán hàng - Công ty TNHH Medison, Hàn Quốc
- 2000 - nay: Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Kanaan Sài Gòn



Kim Byoung Tak
AC members

Năm sinh: 1963

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH InHa

Quá trình công tác:

- 1990 - nay: Giám đốc Tập đoàn viễn thông KT

Mr. Trương Tuấn Nghĩa
Chief of AC

Year of birth: 1970

Education:

- Bachelor of Accounting and Finance - Deventer Business School, The Netherlands
- Master of Banking and Finance - ESCP Europe - Paris Dauphine

Working Experience:

- 2001 - 2002: Officer - Nissin Corporation Company
- 2002 - 2003: Providing book keeping service to IBM Vietnam Company
- 2002 - 2007: Deputy Manager Consulting Department - Deloitte Vietnam
- 2007 - 2009: Consulting Director - Tan Viet Securities Company
- 2009 - now: Deputy General Director - Asia Investment and Consultancy Group

Suh Seung Chul
AC members

Year of birth: 1967

Education: Bachelor of Business Administration - Sogang University

Working Experience:

- 1991 - 1997: Director of General Affair - Hanil Leasing Co. Ltd, Korea
- 1997 - 1999: Director Purchasing - Samsung Card Co. Ltd, Korea
- 1999 - 2000: Sales Manager - Medison Co. Ltd, Korea
- 2000 - now: CEO of Vietnam Operations - Kanaan Saigon Co. Ltd

Kim Byoung Tak
AC members

Year of birth: 1963

Education: Master in Business Administration - Inha University

Working Experience:

- 1990 - now: Director - Korea Telecom Corporation

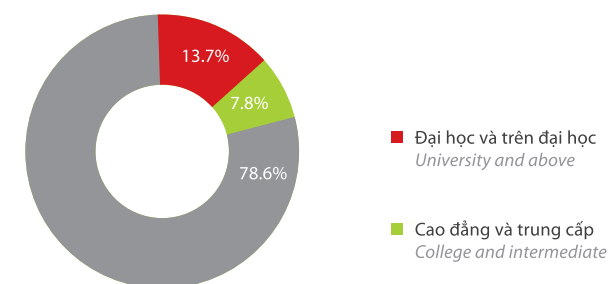
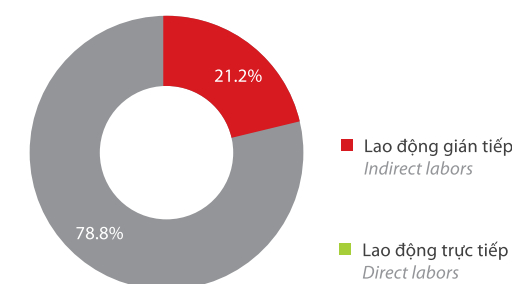
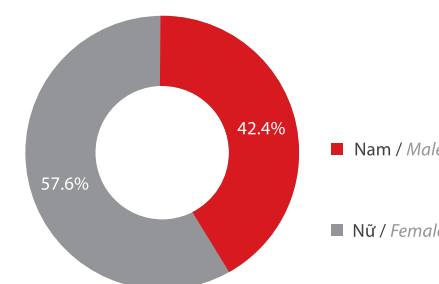
CƠ CẤU LAO ĐỘNG / LABOR STRUCTURE



Tính đến cuối năm 2012, tổng số lao động tại công ty là 1,054 người, giảm 10.0% so với cuối năm 2011 và chia làm ở hai bộ phận chính là Bộ phận Kinh doanh – gồm các phòng kinh doanh và sản xuất và Bộ phận Kế hoạch – gồm các phòng quản lý chung như Nhân sự, Kế toán, IT,...

At December 31, 2012, the Company employed 1,054 persons, a decrease of 10.0% in comparison with the end of 2011. They are divided into the Business Division, which includes sales and production teams, and the Plan Division, which includes HR, IT, Accounting, etc.

Phân loại lao động Indicators	Số lượng (người) No. of people	Tỷ lệ Rate (%)
Theo trình độ học vấn / Education background		
Đại học và trên đại học / University and above	144	13.6%
Cao đẳng và Trung cấp / College and Intermediate	82	7.8%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông / Technician and unskilled laborer	828	78.6%
Theo đối tượng lao động / Production related		
Trực tiếp / Direct	831	78.8%
Gián tiếp / Indirect	223	21.2%
Theo giới tính / Gender		
Nam / Male	447	42.4%
Nữ / Female	607	57.6%





**III - BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
BOARD OF MANAGEMENT REPORT

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Hoạt động trong môi trường kinh doanh bán lẻ có sức cạnh tranh mạnh mẽ, các công ty đều phải chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, bao gồm nhưng không hạn chế, môi trường kinh tế vĩ mô và các thay đổi trong nền kinh doanh bán lẻ, sở thích tiêu dùng và thói quen mua sắm, sự thay đổi bất thường của thời tiết và các thảm họa thiên nhiên, và sự cạnh tranh trong nội bộ ngành với các đối thủ tiềm năng. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức này, Everpia Việt Nam vẫn duy trì khả năng sinh lợi, tuy có sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận so với năm tài chính trước đó.

Everpia Việt Nam kết thúc năm 2012 với mức doanh thu 680.4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 74.7 tỷ đồng, tiếp tục duy trì ổn định thị phần trên các thị trường đang hoạt động. Để đối phó với khó khăn của thị trường Chăn ga gối đệm và Bông tằm, Công ty đã thực thi các chính sách tái cơ cấu hoạt động cũng như chi phí tại cả ba nhà máy.

NGÀNH HÀNG CHĂN-GA-GỐI-ĐỆM

Hệ thống phân phối

Các sản phẩm của Everpia Việt Nam hiện có mặt tại khắp các tỉnh thành trong cả nước với 627 đại lý và tổng đại lý. Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng chính thức đi vào hoạt động từ cuối tháng 11 năm 2012 cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc mở rộng và khai thác tối đa các thị trường tiềm năng cho cả sản phẩm chăn - ga - gối - đệm thông thường và các sản phẩm dành riêng cho khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

Kênh bán hàng trực tuyến

Bộ phận Marketing trực tuyến bước đầu giới thiệu tới khách hàng một số mẫu sản phẩm được thiết kế dành riêng cho kênh bán hàng này bên cạnh một số mẫu chăn ga sẵn có. Phương thức mua hàng và thanh toán trực tuyến cùng sự hỗ trợ giao hàng tận nơi của công ty không chỉ đáp ứng được thói quen mua hàng mới của người dân mà còn rất được khách hàng đánh giá và tin tưởng.

Kênh bán hàng đặc biệt

Các sản phẩm chăn ga được sản xuất theo yêu cầu cụ thể của từng đơn hàng, tránh được tồn kho, góp phần giảm áp lực hàng tồn kho cho công ty. Mỗi đơn hàng được hoàn thành và giao cho khách trong vòng khoảng 5 đến 14 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu.

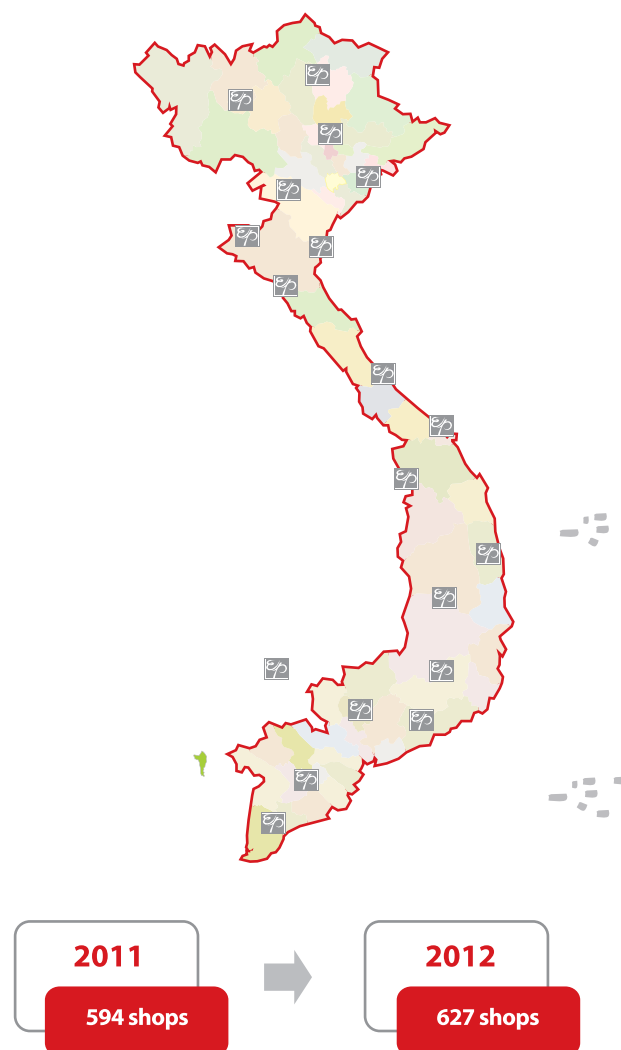
Mở rộng xuất khẩu

Bên cạnh việc tiếp tục duy trì và mở rộng các đơn hàng xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản, trong năm 2012 Everpia Việt Nam đã quyết định thành lập công ty con 100% vốn sở hữu tại Campuchia – Công ty TNHH Everpia Campuchia. Điều này phần nào cho thấy một trong những mục tiêu kinh doanh của công ty trong thời gian tới là đẩy mạnh xuất khẩu và phát triển các đơn hàng đặc biệt của sản phẩm chăn ga tới các nước trong khối Asian. Bên cạnh đó, Everpia Việt Nam đang có những bước tiếp cận tới thị trường Đông Âu và Trung Đông.

Sự cạnh tranh

Ngành hàng Chăn - ga - gối - đệm ngày càng chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nội địa. Các doanh nghiệp không ngừng cho ra mắt những mẫu sản phẩm mới và liên tục giới thiệu các sản phẩm này tại các hệ thống phân phối của mình. Trong khi đa phần các công ty sản xuất chăn ga, trong đó có cả Everpia Việt Nam, cung cấp đa dạng các danh mục sản phẩm thì một số đối thủ chỉ tập trung vào một dòng sản phẩm nhất định. Việc tập trung vào một dòng sản

phẩm này của các đối thủ có thể tạo nên những lợi thế cạnh tranh nhất định, tuy nhiên Everpia Việt Nam tin tưởng với thương hiệu hàng đầu (Everon) và những giá trị riêng trong các dòng sản phẩm đặc biệt của mình sẽ là những lợi thế vượt trội.



BUSINESS OVERVIEW

Operating in the highly competitive retail industry, many retail companies are influenced by a number of factors including, but not limited to, the overall macroeconomic and related changes in the retailing environment, consumer preferences and spending habits, unusual weather patterns and natural disasters, and competition from existing & potential competitors. Despite these very challenging circumstances, Everpia Vietnam still maintain its good profitability margin despite lower sales and profit level compared to last year.

In 2012, Everpia Vietnam invested a big amount into the 3rd factory in Hung Yen, upgrading existence one, establishing a subsidiary in Cambodia; establishing Da Nang branch. Everpia Vietnam believes that these investment will create stable and long-live plaforms for the Company in future.

BEDDING LINES

Sales Distribution

Everpia Vietnam's products are sold nationwide through 627 agents and distributors. The new brach in Da Nang started operations in Nov 2012 showed the Company's efforts on expanding market for both retail bedding sales channel and hotels & resorts channel.

Online business channel

The Company's direct marketing team launched new bedding items designed specially for the online business. Online sales and payment, accompanied by flexible delivery policy has satisfied the new shopping habits and gain faith of consumers.

Special bedding business

The bedding items for special orders (from companies and hotel/resorts) are manufactured on a just-in-time basis to fulfill orders rather than stocking inventory, which enables the Company to maintain lower levels of finished goods inventory and operate with limited regional warehousing. Products are usually received by the customer within 5 to 14 days from the date of order.

Expand export markets

Besides continuous exportation to Korea and Japan, in 2012 Everpia Vietnam had established 100% owning subsidiary in Cambodia – Everpia Cambodia Co., Ltd which showed the Company's efforts to push exportation and special bedding business to Asian countries.

In addition, Everpia Vietnam is approaching bedding market in Eastern Europe and the Middle East by this year.

Competition

The bedding industry is highly competitive and Everpia Vietnam encounter competition from many manufacturers in domestic markets. Manufacturers in the industry keeps developing new products and distributing these new products in retail outlets. While many bedding manufacturers, including Everpia Vietnam, offer multiple types of bedding products, some of its competitors focus on single product types. The single product focus of these competitors may afford them with a competitive advantage,, but Everpia Vietnam believes going to market with the best selling and one of the most recognized brands in the domestic bedding industry (Everon) and a variety of bedding offerings, a solid distribution network provides its withcompetitive advantages over peers.

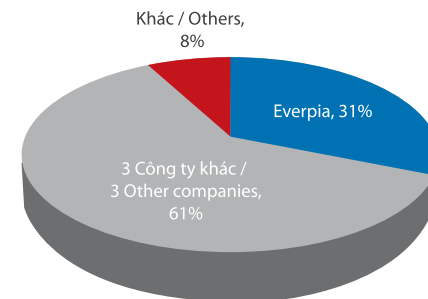
Vùng Area	Độc quyền Exclusive	Bán cùng sản phẩm khác Non-exclusive
Đại lý tại Hà Nội Hanoi agents	95	1
Đại lý các tỉnh phía Bắc Northern provinces	101	8
Đại lý Hồ Chí Minh HCM agents	100	11
Đại lý các tỉnh phía Nam Southern province agents	209	3
Showroom Showroom	9	
Tổng Total	604	23
Tổng số đại lý Total agents	627	

NGÀNH HÀNG BÔNG TẮM

Everpia Việt Nam hiện vẫn duy trì được thị phần của mình trên thị trường bông tằm (31%) trong năm 2012. Mặc dù nhu cầu về áo jacket giảm sút do tình hình khủng hoảng kinh tế ở Châu Âu và Hoa Kỳ, nhưng Everpia Việt Nam vẫn cố gắng duy trì được số lượng đơn hàng từ những khách hàng truyền thống, và tiếp tục mở rộng thêm những khách hàng mới. Đây là kết quả từ sự lựa chọn chiến lược ưu tiên trong các năm qua của Công ty, đó là: sản phẩm đa dạng và chất lượng ổn định, liên tục xem xét để nâng cao hiệu quả của các hoạt động chăm sóc khách hàng và kế hoạch sản xuất, nhằm đáp ứng tối đa các đơn hàng của khách, đồng thời lưu giữ và củng cố mối liên hệ lâu năm với các khách hàng lớn và truyền thống.

Everpia Việt Nam duy trì được cơ cấu khách hàng Bông tằm tương đối ổn định, với ba nhóm khách hàng chính gồm Hàn Quốc, Việt Nam và khách hàng nước ngoài khác, trong đó các khách hàng Hàn Quốc vẫn chiếm đa số (67%).

THỊ PHẦN BÔNG TẮM / PADDING MARKET SHARE



ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Việc dự đoán khi nào, bao giờ và bằng cách nào mà các điều kiện kinh tế sẽ thay đổi là điều không thể. Do đó, Everpia Việt Nam vẫn giữ cam kết tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư cho cơ sở hạ tầng để tạo tiền đề cho sự liên tục phát triển của Công ty. Các khoản đầu tư trong năm 2012 cơ bản là cho nhà máy mới tại Hưng Yên, cải tạo và nâng cấp các nhà máy hiện tại, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm cả việc phát triển các nền tảng tương tác, và các dự án được coi là cần thiết quan trọng cho

sự phát triển tương lai của Công ty. Vào tháng 11, 2012, nhà máy số 3 đã được khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Tổng đầu tư xây dựng cơ bản cho nhà máy này trong năm 2012 là 132.3 tỷ đồng (bao gồm cả đất sử dụng).

Hoạt động chính của nhà máy mới là sản xuất các sản phẩm chăn ga gối đệm, đóng góp được khoảng 5 triệu sản phẩm chăn ga mỗi năm cho Everpia Việt Nam.

PADDING LINES



Everpia Vietnam still remains its share in the padding market at 31% in 2012. Despite lower demand for jackets due to economic crisis in Europe and USA, Everpia Vietnam has been able to maintain orders from existing customers and get orders from new ones due to effective strategy that the Company has adapted during the last few years. Those are: diversified product range together with stable quality, continuously review and improve customer service and efficient production planning, simultaneously maintain long-term relationship with major and traditional customers.

Everpia Vietnam has stable structure of padding customers with three groups consisting of Korea, Vietnam, and other countries. Korean companies were still the majority with 67.0%.

INVESTMENT TO FIXED ASSETS

Although it is difficult to predict changes in economic conditions, Everpia Vietnam remains committed to make the required investments in its infrastructure to maintain its leading position in the market. Investments made in 2012 were mainly for the new factory in Hung Yen, existing plants improvements, information technology enhancements including increased spending on its interactive platforms, and other projects whose impact is considered important to its

future. By November 2012, the factory started its operation. Total amount paid for the infrastructure of Hung Yen factory in 2012 was VND132.3 bil. (including the land value).

The new factory specializing in bedding line contributes to the production capacity of Everpia Việt Nam is up to 5 million products per year.

	Nhà xưởng Workshop	Máy móc thiết bị Machinery	Thiết bị văn phòng Office tools	Phương tiện vận tải Transportation	Tài sản khác Other assets	Tổng Total
Ngày 01/01/2012 <i>On 1st Jan, 2012</i>	42,871	182,050	6,617	15,212	2,152	248,901
Tăng <i>Increase</i>	132,251	14,626	161	2,609	6,499	156,147,
Giảm <i>Decrease</i>	-	-	-	-	-	-
Giá trị khấu hao tích lũy <i>Accumulated depreciation</i>	20,873	99,104	6,439	4,348	1,903	132,667
Ngày 31/12/2012 <i>On 31st Dec, 2012</i>	154,249	97,572	339	13,473	6,749	272,381

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHÍNH/ INVESTMENT ACTIVITIES



CÔNG TY CỔ PHẦN MATTPIA VIỆT NAM / MATTPIA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam chuyên sản xuất các loại đệm lò xo chất lượng cao. Đa số các sản phẩm của Mattpia mang thương hiệu Everon và được phân phối tại các đại lý Everon trên toàn quốc.

Năm 2012, Mattpia Việt Nam đạt được doanh thu là 9.8 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2011 (7.1%). Do trong năm chi phí nguyên vật liệu và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao, kết quả kinh doanh của công ty giảm mạnh, lợi nhuận âm 385.8 triệu đồng, góp vào lợi nhuận hợp nhất chung toàn Everpia Việt Nam là -223.7 triệu đồng.

Mattpia Vietnam specializes in production of high quality spring mattress. Most products of Mattpia carry the brand name Everon and are distributed to all Everon agents nationwide.

In 2012, Mattpia Vietnam achieved VND9.8bil. of revenue, a slight decrease from 2011 (7.1%). Due to the high increase in the cost of raw materials and general administration expense, net profit after tax sharply decreased, recored at negative VND385.8mil. which contributing to consolidated profit in the negative amount of VND223.7 mil.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EVERPIA CAMPUCHIA / EVERPIA CAMBODIA COMPANY LIMITED

Vào ngày 05/01/2013, Công ty con tại Campuchia, với 100% vốn đầu tư từ Everpia Việt Nam, chính thức khai trương. Tổng vốn đầu tư vào Everpia Campuchia được thực hiện trong năm 2012 là 6.2 tỷ đồng. Đơn hàng chăn ga đầu tiên được xuất sang Campuchia đạt 3.2 tỷ đồng.

On January 5th, 2013, the Company entered into Cambodia market with a subsidiary company established with 100% Everpia Vietnam ownership. The total investment in to Everpia Cambodia was VND 6.2 bil. The first bedding order to Cambodia was VND 3.2 bil.



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH / FINANCIAL ACTIVITIES

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU / CHANGES IN OWNER'S CAPITAL

Chia cổ tức bằng cổ phiếu	Pay stock dividend
<ul style="list-style-type: none"> Số lượng cổ phiếu trước khi trả cổ tức: 23.401.986 Ngày đăng ký cuối cùng: 15/05/2012 Tỉ lệ: 20% Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trả cổ tức: 4.584.532 Ngày niêm yết bổ sung: 25/09/2012. 	<ul style="list-style-type: none"> No. of stock before stock dividend : 23,401,986 Final registration date : May 15th, 2012 Rate: 20% No. of issued stock: 4,584,532 Official transaction date: Sep 25th, 2012

Chia cổ tức bằng tiền mặt	Pay stock dividend
<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ: 15% Ngày thực hiện chi trả: 05/06/2012 Tổng số tiền chi trả: 34.384.029.000 VND 	<ul style="list-style-type: none"> Rate: 15% Payment date: Jun 5th, 2012 Cash paid: VND 34,384,029,000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ / TREASURY STOCK TRANSACTION

Số lượng cổ phần đăng ký mua <i>Registration number of stock</i>	1.000.000
Đợt 1 <i>Session 1</i>	
Thời gian <i>Time</i>	Từ ngày 7/12/2011 đến 7/03/2012 <i>From Dec 7th, 2011 to Mar 7th, 2012</i>
Số lượng đã thực hiện <i>Transaction number of stock</i>	436,850
Giá trị giao dịch <i>Transaction value</i>	9,330,003,022 VND
Đợt 2 <i>Session 2</i>	
Thời gian <i>Time</i>	Từ ngày 20/03/2012 đến 20/06/2012 <i>From Mar 20th, 2012 to Jun 20th, 2012</i>
Số lượng đã thực hiện <i>Transaction number of stock</i>	42,450
Giá trị giao dịch <i>Transaction value</i>	1,171,366,418 VND
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ <i>Total number of treasury stock</i>	479,300
Tỉ lệ <i>Rate</i>	1.71%
Tổng giá trị giao dịch <i>Total transaction value</i>	10,501,369,440 VND

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012

HĐQT đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty và tuân thủ Luật Doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có định hướng chiến lược phù hợp, linh hoạt điều chỉnh để ra giải pháp phù hợp thực tế nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.

Năm 2012, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 11 phiên họp trong đó có 4 phiên định kỳ và 7 phiên bất thường. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định. Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được công bố thông tin và lưu trữ theo đúng quy định.

04 cuộc họp thường kỳ mỗi quý vào các ngày: 02/03/2012, 25/05/2012, 24/08/2012 và 23/11/2012. Và các phiên họp bất thường được diễn ra vào các ngày: 13/01/2012, 07/03/2012, 19/03/2012, 12/04/2012, 27/08/2012, 07/11/2012, 14/11/2012

The Board of Management had been worked as function, duty and responsibility stated in Chapter and Control Management Regulation of the Company and in accordance with Enterprise Law. In the hard context of general economy, the BOM and BOD had planed a reasonable strategy, flexibility adjustment to claim the best benefit for the Company.

In 2012, BOM had met for 11 times, in which 4 regulars and 7 irregulars. All of these meetings were held regularly in accordance with regulations. Minutes and Resolution of BOM were all based on agreement of members, were disclosed and saved in the right way.

4 regular meetings were held on every quarter on: Mar 2nd 2012, May 25th 2012, Aug 24th 2012 and Nov 23rd 2012. And the Irregular meetings were held on: Jan 13rd 2012, Mar 07th 2012, Mar 19th 2012, Apr 12th 2012, Aug 27th 2012, Nov 07th 2012, Nov 14th 2012.

Thời gian	Nội dung cuộc họp									
Q1/2012	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định nâng tổng vốn đầu tư từ 280 tỷ lên 500 tỷ, thông báo chốt danh sách cổ đông để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về vấn đề này. Đăng ký mua cổ phiếu quỹ đợt 2 từ ngày 20/03/2012 – 20/06/2012 với số lượng đăng ký mua: 563.150 cổ phiếu. Thông qua các nội dung tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2012 									
Q2/2012	<ul style="list-style-type: none"> Tạm ngưng mua cổ phiếu quỹ để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ: 15%) và cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ: 20%) 									
Q3/2012	Thành lập Công ty TNHH Everpia Campuchia									
Q4/2012	<ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2012 <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Kế hoạch cũ</th> <th>Điều chỉnh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>900 tỷ đồng</td> <td>800 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>160 tỷ đồng</td> <td>110 tỷ đồng</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Park Soon O Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường 2012 		Kế hoạch cũ	Điều chỉnh	Doanh thu	900 tỷ đồng	800 tỷ đồng	Lợi nhuận sau thuế	160 tỷ đồng	110 tỷ đồng
	Kế hoạch cũ	Điều chỉnh								
Doanh thu	900 tỷ đồng	800 tỷ đồng								
Lợi nhuận sau thuế	160 tỷ đồng	110 tỷ đồng								

BOARD OF MANAGEMENT MEETING IN 2012



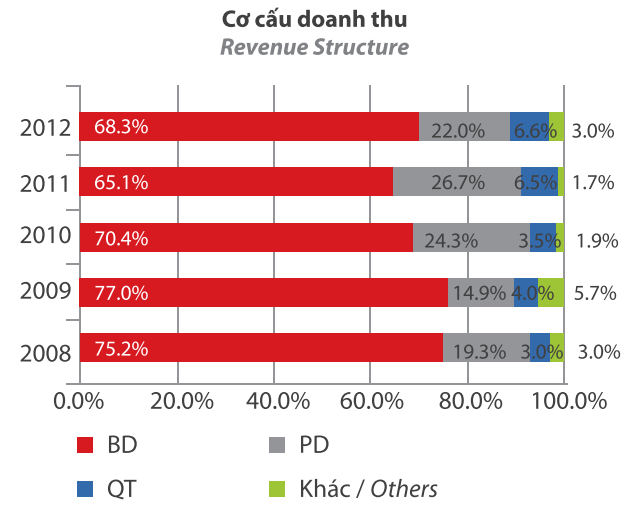
Date	Meeting content									
Q1/2012	<ul style="list-style-type: none"> Decision on increasing 'Total Investment' from VND280bil. to VND500bil., decided to close shareholders list for General Shareholders' Approval by written for this issue. Decision on 2nd session of treasury stock registration from Mar 20th, 2012 to Jun 20th, 2012 with total number of registration were 563,150 stocks Agenda for Annual General Shareholders Meeting 2012 									
Q2/2012	<ul style="list-style-type: none"> Temporary stop buying treasury stock to execute paying stock dividend to shareholders Pay cash dividend (rate of 15%) and stock dividend (rate of 20%) 									
Q3/2012	Establish a subsidiary - Everpia Cambodia Co., Ltd.									
Q4/2012	<ul style="list-style-type: none"> Adjust 2012 business plan (sales & profit) <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>1st target</th> <th>2nd target</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sales</td> <td>VND900 bil.</td> <td>VND800 bil.</td> </tr> <tr> <td>NPAT</td> <td>VND160 bil.</td> <td>VND110 bil.</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Establish Da Nang branch Dismiss a BOM member – Mr. Park Soon O Plan to hold Extraordinary General Shareholders' meeting 2012 		1 st target	2 nd target	Sales	VND900 bil.	VND800 bil.	NPAT	VND160 bil.	VND110 bil.
	1 st target	2 nd target								
Sales	VND900 bil.	VND800 bil.								
NPAT	VND160 bil.	VND110 bil.								



**IV - BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
BOARD OF DIRECTORS REPORT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Dưới áp lực của nền kinh tế khó khăn năm 2012, tuy chưa thể đạt được mục tiêu doanh thu lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua, Công ty cổ phần Everpia Việt Nam ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan của mình. Doanh thu ròng hợp nhất đạt 680.4 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế đạt 74.6 tỷ VND, tiếp tục duy trì ổn định thị phần trên các thị trường đang hoạt động. Để đối phó với khó khăn của thị trường Chăn – ga – gối – đệm và Bông tấm, Công ty đã thực thi các chính sách tái cơ cấu hoạt động và tái cơ cấu chi phí tại cả ba nhà máy.



NGÀNH KINH DOANH CHĂN GA GỐI ĐỆM

Do tình hình kinh tế vĩ mô đầy biến động của Việt Nam, kết hợp với sự bất lợi của thời tiết, nhìn chung ngành kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm trong năm qua đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức tới tốc độ tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, Everpia Việt Nam vẫn đạt được kết quả đáng khích lệ, 485.6 tỷ doanh thu chăn ga gối đệm, giảm khoảng 10.6% so với năm 2011. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn 2010 – 2012, doanh thu đến từ ngành chăn ga gối đệm của Everpia Việt Nam đã tăng khoảng 6.0%.

Một trong những nét sáng của Everpia Việt Nam trong năm

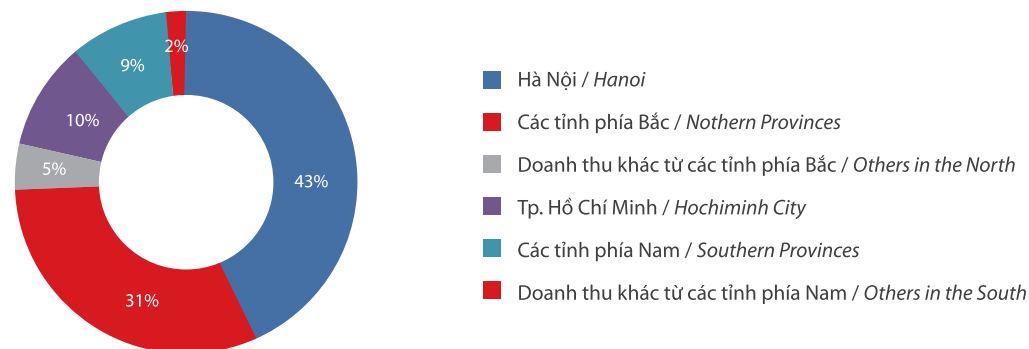
qua, đó là sự tăng trưởng về doanh thu đối với hai thương hiệu mới, Artemis & Edelin, Theo đó, Artemis và Edelin đã đạt được mức tăng trưởng 143.4% về doanh thu (đạt mức 55.3 tỷ đồng) so với năm trước.

Kênh bán hàng Trực tuyến và Đặc biệt

Đội ngũ marketing và trang bán hàng trực tuyến đã đưa các sản phẩm của Công ty tới tất cả các thị trường trên toàn quốc, bao gồm cả các thị trường chưa được đại lý tiếp cận, đóng góp 7.9% doanh thu năm 2012 (53.6 tỷ đồng).

Cơ cấu doanh thu chăn ga gối đệm theo địa lý - 2012

Sales by geographical area in 2012



BUSINESS PERFORMANCE

Under pressure from the hard economic condition in 2012, Everpia Vietnam still reports net revenue of 680.4 bil. and net profit after tax of VND74.6 bil., maintaining its share in all its markets. The Company responded to the downturns in the bedding and padding markets with reorganisations and cost savings in all its three factories.



BEDDING BUSINESS

Due to macro-economic issues in Vietnam which affected domestic consumption, coupled with unfavorable weather condition, the bedding sector experienced a very challenging year. Everpia bedding revenue still stood at VND 485.6 bil, decreasing by 10.6% year-on-year. However, over the period 2010-2012, Everpia bedding revenue still reported CAGR of 6.0%.

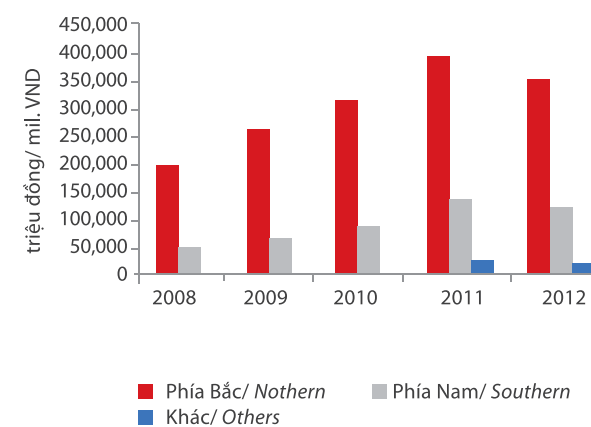
The bright note of this year is the 143.4% increase (VND 55.3 bil.) in revenue of Artemis and Edelin.

Online & Special business channel

The Company's direct marketing call center and E-Commerce website provide national sales coverage, including markets not yet served by one of the Company agents, and accounted for 7.9% (VND 53.6 bil.) of the total net sales in 2012.

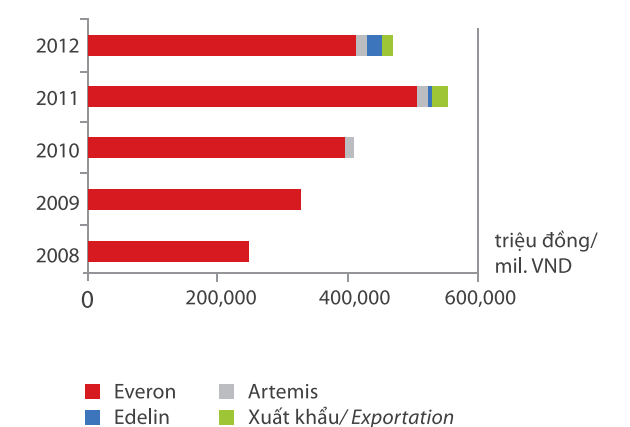
Doanh thu chăn ga

Bedding Sales



Doanh thu chăn ga theo thương hiệu

Bedding Sales by brands



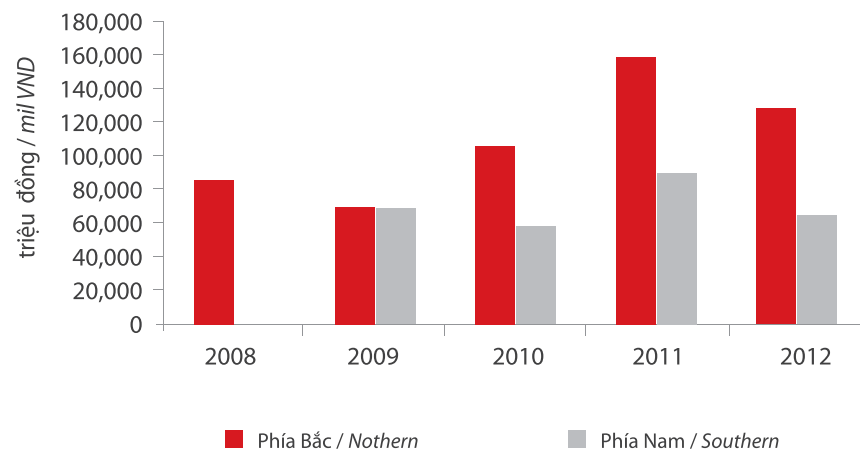


Mùa vụ kinh doanh Bông tằm bắt đầu từ khoảng tháng 3, đạt đỉnh điểm vào tháng 6 và kết thúc dần vào tháng 8. Doanh thu từ Bông tằm của Everpia Việt Nam trong suốt những tháng thời vụ này năm 2012 đạt khoảng 157.0 tỷ đồng, chiếm 74.4% tổng doanh thu bông tằm của cả năm (tỷ đồng).

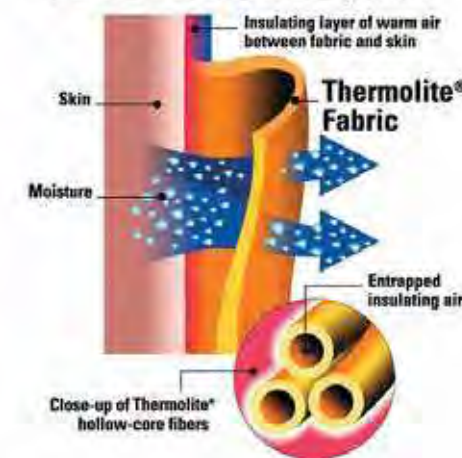
Về cơ cấu sản phẩm cung cấp, các loại bông Dexfil (loại bông sợi ngắn, chất lượng cao) và bông trắng thường vẫn tiếp tục được khách hàng quan tâm và chiếm doanh số cao trong cơ cấu doanh thu của ngành. Mức độ cạnh tranh ngày một

mạnh mẽ trong ngành Bông tằm, đi kèm với sự sụt giảm về cầu và khủng hoảng kinh tế với 70% các doanh nghiệp tại TP Hồ Chí Minh đang phải chịu lỗ, gây ảnh hưởng tới doanh thu tại khu vực phía Nam, do đó Everpia Việt Nam đang thực hiện cắt giảm chi phí từng bước. Nhưng tình hình tại khu vực phía Bắc có nét khả quan hơn. Xét tổng quan, doanh thu ngành hàng Bông tằm của Everpia Việt Nam năm 2012 đạt 195.2 tỷ đồng, đạt 103.3% kế hoạch đề ra từ đầu năm, giảm 26.4% so với năm 2011. Tuy nhiên, nếu xét cho giai đoạn 2010 – 2012, ngành hàng Bông tằm của Everpia Việt Nam vẫn tăng trưởng trung bình khoảng 7.6%

Doanh thu Bông tằm
Padding Sales



Thermolite® by DuPont



The Padding business started in March, reaches its peak in June, and ends at the end of August. Revenue from Padding business of Everpia Vietnam during its season was VND 157.0 bil., occupied 74.4% of the total padding sales in the year 2012 (VND bil.) In term of product structure, Dexil (Low Denier) and Normal Padding kept steady demand by customers and accounted high sales in the Padding revenue structure.

The increase of competition in the padding sector, coupled

with demand reducing and economic crisis as 70% of Ho Chi Minh enterprise are operating with loss, hurt sales in South. Everpia Vietnam therefore would take steps to cut costs. Trends were much more positive in the North, where customer confidence remained relatively high. As the result, Everpia from Padding Business of Everpia Vietnam in 2012 was VND 195.2 bil., achieved 103.3% year beginning's target, decreasing of 26.4% year-on-year. However, over the period 2010-2012, Everpia Vietnam's padding business still reported CARG of 7.6%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH / FINANCIAL STATUS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / BALANCE SHEET

Mặc dù đã đầu tư một khoản tiền lớn 132.3 tỷ đồng vào xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy mới, tại thời điểm cuối năm 2012, tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tiết kiệm trên 3 tháng tại các ngân hàng trong nước là 183.3 tỷ đồng, tăng 28.1% so với thời điểm đầu năm. Dòng tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh đạt mức dương 187.0 tỷ đồng, nguyên nhân là do có sự quản lý chặt chẽ hơn nguồn vốn lưu động.

Do chú trọng vào việc cắt giảm chi phí đồng thời nâng cao hiệu quả trong sản xuất, Everpia Việt Nam đã có một số những hành động cụ thể cải thiện công tác quản lý hàng tồn kho, như việc đẩy nhanh chu kỳ bán hàng, tối ưu hóa doanh mục sản phẩm và cải thiện kế hoạch sản xuất. Việc di dời sang nhà máy mới cũng phần nào hỗ trợ cho công tác quản lý hàng tồn kho. Kết quả là, tính đến cuối năm 2012, lượng hàng tồn kho của Công ty đã giảm 23.3% từ 360.6 tỷ đồng năm 2011 xuống 292.4 tỷ đồng năm 2012.

Là công ty có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, Everpia Việt Nam được phép thực hiện các khoản vay bằng tiền USD. Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện vay ngắn hạn trong khoảng thời hạn từ 3 đến 6 tháng để nhập khẩu nguyên vật liệu. Tổng số tiền đã thực hiện vay trong năm nay tương đương với 110.7 tỷ đồng. Các khoản vay đều được Công ty thanh toán đúng hạn, do đó, tính tới thời điểm 31/12/2012, khoản mục "vay và nợ ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán duy trì một số tiền vay tương đối ổn định so với thời điểm cuối năm 2011 (38.9 tỷ đồng).

Tổng Vốn chủ sở hữu của Everpia Việt Nam vào cuối năm 2011 là 721.0 tỷ, tăng 4.3% so với cuối năm 2011. Tỷ lệ nợ tài chính trên Vốn chủ sở hữu là rất thấp, 0.05 lần, thể hiện rõ nét tình hình tài chính ổn định của Công ty.

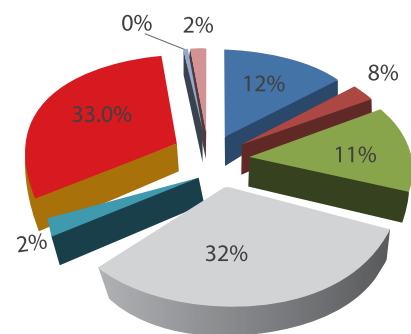
In spite of the VND132.3 bil. infrastructure investment made during 2012 for the new factory, cash and cash equivalent including deposits over 3 months in domestic banks as at the end of 2012 was VND183.3 bil., an increase of 28.1% in comparison with the end of the year 2011. Net cash used in operating activities was positive (VND187.0 bil.) mainly due to better working capital management.

Indeed, adopting lean production approach, Everpia Vietnam has taken effective actions to improve inventory management by speeding up sale cycle, optimizing the product portfolio and improving production planning. The relocation to the new factory provides ample warehouse space which help better manage inventory. As a result, by the end of 2012, inventories were decreased 23.3% from VND360.6 bil. in 2011 to VND292.4 bil. in 2012.

As the Company conducts import – export activities, Everpia Vietnam had easy access to USD bank loans, which the Company used for material importation in the short-term (from 3 to 6 months). Total loan made in 2012 was equivalent to VND110.7 bil. All the loans were paid in due, therefore on Dec 31st 2012, "Short-term loan" of the company is stable compared to Dec 31st 2011 (VND38.9 bil.).

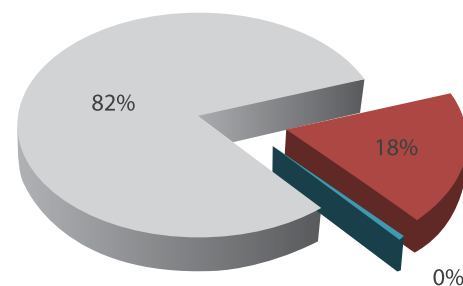
Total Equity was VND721.0 bil., an increase of 4.3% compared to the 2011 year-end. The leverage (financial debt to equity) was very low, 0.05x showing a sound financial status for the Company.

Cơ cấu tài sản 2012
Asset Structure 2012



■ Tiền và tương đương tiền Cash and cash equivalent	■ Tài sản ngắn hạn khác Other Current assets
■ Đầu tư ngắn hạn Short term investment	■ Tài sản cố định Fixed assets
■ Các khoản phải thu Account receivables	■ Đầu tư dài hạn Non-current investment
■ Hàng tồn kho Inventory	■ Tài sản dài hạn khác Other Non-current Assets

Cơ cấu nguồn vốn
Resources Structure



■ Nợ ngắn hạn Current liabilities
■ Nợ dài hạn Non-current liabilities
■ Vốn chủ sở hữu Equity Owners

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

TÀI SẢN ASSETS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	31/12/2012 Dec 31st 2012	31/12/2011 Dec 31st 2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) "CURRENT ASSETS(100=110+120+130+140+150)"	100		588,488,692,218	633,917,069,607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110	5	107,330,448,733	119,403,026,916
1. Tiền 1. Cash	111		17,382,948,702	4,804,195,566
2. Các khoản tương đương tiền 2. Cash equivalents	112		89,947,500,031	114,598,831,350
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments	120		75,903,746,164	23,694,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn 1. Short-term financial investments	121	6	75,903,746,164	23,694,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn Short-term receivables	130		96,644,762,367	106,150,895,412
1. Phải thu khách hàng 1. Trade accounts receivable	131		74,750,059,046	66,520,925,669
2. Trả trước cho người bán 2. Advances to suppliers	132		23,996,566,766	39,783,309,809
3. Các khoản phải thu khác 3. Other receivables	135		3,762,111,998	3,916,084,884
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 4. Provision for short-term doubtful debts	139		(5,863,975,443)	(4,069,424,950)
IV. Hàng tồn kho Inventories	140	7	292,415,175,565	360,634,078,601
1. Hàng tồn kho 1. Inventories	141		292,415,175,565	360,634,078,601
V. Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		16,194,559,389	24,035,068,678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn 1. Short-term prepayments	151		3,435,016,139	4,562,380,309
2. Thuế GTGT được khấu trừ 2. VAT deductibles	152		8,552,946,042	16,786,744,646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 3. Taxes and other receivables from the State budget	154		150,000,000	150,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác 4. Other short-term assets	158		4,056,597,208	2,535,943,723
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) NON-CURRENT ASSETS (200=220+250+260)	200		310,813,813,905	215,766,936,118
I. Tài sản cố định Fixed assets	220		293,024,353,042	199,247,734,608
1. Tài sản cố định hữu hình 1. Tangible fixed assets	221	8	272,381,084,342	135,504,305,577
- Nguyên giá - Cost	222		405,047,888,625	248,901,262,010
- Giá trị hao mòn lũy kế - Accumulated depreciation	223		(132,666,804,283)	(113,396,956,433)
2. Tài sản cố định vô hình 2. Intangible fixed assets	227	9	18,833,892,336	21,326,838,565
- Nguyên giá - Cost	228		37,465,687,876	37,465,687,876
- Giá trị hao mòn lũy kế - Accumulated amortisation	229		(18,631,795,540)	(16,138,849,311)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 3. Construction in progress	230	10	1,809,376,364	42,416,590,466
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investments	250		1,397,200,000	1,023,200,000
1. Đầu tư dài hạn khác 1. Other long-term investments	258	11	1,397,200,000	1,023,200,000
III. Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		16,392,260,863	15,496,001,510
1. Chi phí trả trước dài hạn 1. Long-term prepayments	261	12	15,475,489,271	14,540,490,883
2. Tài sản dài hạn khác 2. Other long-term assets	268		916,771,592	955,510,627
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		899,302,506,123	849,684,005,725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

NGUỒN VỐN RESOURCES	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) <i>LIABILITIES (300=310+330)</i>	300		177,267,246,030	156,947,539,465
I. Nợ ngắn hạn <i>Current liabilities</i>	310		160,380,225,112	139,404,090,093
1. Vay và nợ ngắn hạn <i>1. Short-term loans and liabilities</i>	311	13	38,882,404,665	38,709,422,703
2. Phải trả người bán <i>2. Trade accounts payable</i>	312		45,891,110,386	35,244,488,110
3. Người mua trả tiền trước <i>3. Advances from customers</i>	313		4,426,974,747	3,415,761,568
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>4. Taxes and amounts payable to the State budget</i>	314	14	38,148,468,096	49,064,648,154
5. Phải trả người lao động <i>5. Payables to employees</i>	315		6,411,151,367	8,129,916,882
6. Chi phí phải trả <i>6. Accrued expenses</i>	316		1,438,135,032	1,630,245,190
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác <i>7. Other current payables</i>	319	15	25,181,980,819	3,209,607,486
II. Nợ dài hạn <i>Long-term liabilities</i>	330		16,887,020,918	17,543,449,372
1. Phải trả dài hạn khác <i>1. Other long-term payables</i>	333		321,868,000	321,868,000
2. Dự phòng phải trả dài hạn khác <i>2. Other long-term Provision</i>	336		2,165,152,918	2,821,581,372
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ <i>3. Scientific and technological development fund</i>	339		14,400,000,000	14,400,000,000
B. NGUỒN VỐN (400=410) <i>EQUITY (400=410)</i>	400		720,986,771,177	691,525,223,077
I. Vốn chủ sở hữu <i>Shareholders' equity</i>	410	16	720,986,771,177	691,525,223,077
1. Vốn điều lệ <i>1. Charter capital</i>	411		279,865,180,000	234,019,860,000
2. Thặng dư vốn cổ phần <i>2. Share premium</i>	412		191,000,000,000	191,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ <i>3. Treasury shares</i>	414		(10,491,434,356)	(2,462,123,000)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <i>4. Other shareholders' funds</i>	419		9,010,799,401	4,294,382,346
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>5. Retained earnings</i>	420		251,602,226,132	264,673,103,731
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ <i>MINORITY INTERESTS</i>	439		1,048,488,916	1,211,243,183
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) <i>TOTAL RESOURCES (440=300+400)</i>	440		899,302,506,123	849,684,005,725



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013 / Hanoi, 21 March 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT / CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng <i>1. Gross revenue from goods sold</i>	01		680,772,052,866	799,466,087,069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu <i>2. Deductions</i>	02		343,682,356	798,216,445
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02) <i>3. Net revenue from goods sold (10=01-02)</i>	10	18	680,428,370,510	798,667,870,624
4. Giá vốn hàng bán <i>4. Cost of goods sold</i>	11	19	446,812,449,682	481,092,885,063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) <i>5. Gross profit from goods sold (20=10-11)</i>	20		233,615,920,828	317,574,985,561
6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>6. Financial income</i>	21	20	13,451,855,764	21,106,038,934
7. Chi phí tài chính (Trong đó: Chi phí lãi vay) <i>7. Financial expenses (In which: Interest expense)</i>	22 23	21	4,801,646,648 2,657,416,827	13,811,867,337 2,818,096,075
8. Chi phí bán hàng <i>8. Selling expenses</i>	24		70,410,422,994	73,075,204,204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>9. General and administration expenses</i>	25		78,015,578,430	60,844,357,091
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25)) <i>10. Operating profit (30=20+(21-22)-(24+25))</i>	30		93,840,128,520	190,949,595,863
11. Thu nhập khác <i>11. Other income</i>	31		3,009,590,459	1,644,551,901
12. Chi phí khác <i>12. Other expenses</i>	32		768,555,572	1,467,939,035
13. Lợi nhuận khác (40=31-32) <i>13. Profit from other activities (40=31-32)</i>	40		2,241,034,887	176,612,866
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) <i>14. Accounting profit before tax (50=30+40)</i>	50		96,081,163,407	191,126,208,729
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành <i>15. Current corporate income tax expense</i>	51		21,517,530,527	40,259,875,941
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) <i>16. Net profit after corporate income tax (60=50-51)</i>	60		74,563,632,880	150,866,332,788
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số <i>17. Minority interests</i>	61		(162,043,090)	93,296,321
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ(62= 60-61)" <i>18. Profit after corporate income tax attributable to shareholders of the Company (62=60-61)</i>	62		74,725,675,970	150,773,036,467
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>19. Basic earnings per share</i>	70	22	3,048	6,519



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013 / Hanoi, 21 March 2013

KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012, trong bối cảnh kinh tế vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, người dân còn hạn chế tiêu dùng, tăng tiết kiệm, lãi suất ngân hàng chưa thể ổn định lại ngay, thì các công ty sản xuất mặt hàng tiêu dùng như Everpia Việt Nam sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

Doanh thu & Lợi nhuận gộp

Tổng doanh thu hợp nhất của Everpia Việt Nam đạt 680,4 tỷ đồng, giảm 14,8%. Nhưng vì ngay từ đầu năm, Công ty đã xác định nhiệm vụ ưu tiên của năm nay là giữ vững thị phần, do đó Everpia Việt Nam đã cố gắng không tăng giá sản phẩm, mà còn triển khai khá nhiều các chương trình khuyến mãi trong khi chi phí lao động, chi phí sản xuất đã tăng lên do lạm phát. Điều này đã dẫn tới biên lợi nhuận gộp của Công ty giảm 5,4% từ 39,8% xuống 34,3%.

Doanh thu & chi phí tài chính

Trong năm 2012, Everpia Việt Nam có doanh thu tài chính hơn 13,5 tỷ đồng trong đó hơn 11,3 tỷ đồng là nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng. Trong khi đó, lãi vay phải trả thực chỉ hơn 2,7 tỷ đồng do Công ty chỉ vay bằng đồng USD với lãi suất thấp và trong thời gian ngắn. Cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 2012, do sự ổn định của tỷ giá hối đoái, nên lỗ do tỷ giá chỉ ở mức 2,1 tỷ đồng, giảm 80,5% so với năm 2011.

Chi phí Bán hàng và Quản lý Doanh nghiệp

So sánh số liệu tuyệt đối giữa hai năm, Chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng 10,8% so với năm 2011. Tỷ lệ chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp trên tổng

doanh thu tăng từ 16,8% trong 2011 lên 21,8% vào năm 2012, chủ yếu do chi phí tiền lương (tăng 17,0%) và chi phí khấu hao (tăng 32,5%) do liên quan đến xây dựng các cơ sở hạ tầng mới tại Hưng Yên và nâng cấp các trang thiết bị và phương tiện vận tải.

Riêng Chi phí bán hàng giảm 3,6% từ 73,0 tỷ năm 2011 xuống còn 70,4 tỷ năm 2012. Kết quả này có được từ nỗ lực cắt giảm chi phí, ví dụ như cắt giảm 30,4% chi phí cho hoạt động quảng cáo trong năm 2012 so với năm trước (từ 16,0 tỷ năm 2011 xuống còn 11,2 tỷ năm 2012). Chi phí bán hàng dự kiến sẽ giảm hơn nữa trong các năm tới do Công ty đã và đang xây dựng chính sách thắt chặt, giảm thiểu các chi phí một cách hợp lý.

Kết quả kinh doanh: Everpia Việt Nam đạt 74,6 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất sau thuế, giảm 50,6% so với năm 2011. Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần phổ thông pha loãng được tính bằng cách chia thu nhập ròng cho số lượng bình quân cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh sau khi trừ cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu quỹ. Như vậy, EPS bình quân sau khi điều chỉnh của năm 2012 là 3.048 đồng.

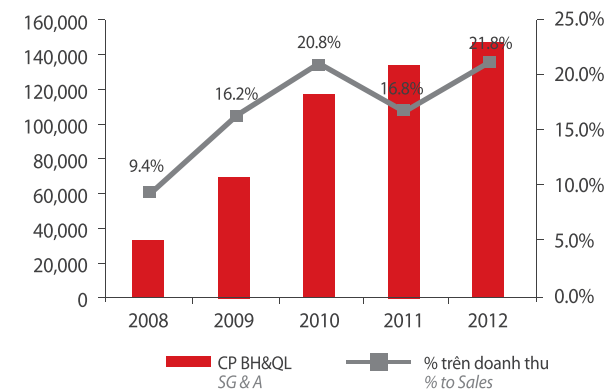
Tỷ số tài chính

Trong khi nhiều công ty đang phải cố gắng để tránh phá sản, Everpia Việt Nam cho thấy khả năng tài chính tốt, dễ dàng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn với hệ số thanh toán hiện hành 3,7 lần vào cuối năm 2012 và hệ số thanh toán nhanh 1,8 lần.

Hệ số tài chính	Financial ratios	2008	2009	2010	2011	2012
Khả năng thanh toán	Liquidity ratios					
Khả năng thanh toán hiện hành	Current ratio	2.0	4.0	6.7	4.5	3.7
Khả năng thanh toán nhanh	Quick ratio	0.9	2.3	3.8	1.9	1.8
Tỷ suất đòn bẩy	Gearing ratios					
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	Debt equity ratio	0.4	0.2	0.2	0.2	0.2
Hệ số lợi nhuận	Profitability ratios					
Hệ số biên lợi nhuận gộp	Gross profit margin	31.1%	41.9%	42.0%	39.8%	34.3%
Vòng quay tài sản	Net assets turnover	145.3%	101.7%	84.2%	94.0%	75.7%
Hệ số thu nhập trên doanh thu	Return on sales (ROS)	15.2%	20.1%	18.2%	18.9%	11.0%
Hệ số thu nhập trên tài sản	Return on assets (ROA)	22.1%	20.4%	15.3%	17.8%	8.3%
Hệ số thu nhập trên vốn cổ phần	Return on equity (ROE)	31.7%	25.4%	17.9%	21.9%	10.3%
Tỷ suất tài sản	Assets ratios					
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	Non-current assets/total assets	39.1%	23.0%	22.5%	25.4%	34.6%
Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	Current assets/ total assets	60.9%	77.0%	77.5%	74.6%	65.4%

INCOME STATEMENT

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
Selling, General and Administration expenses

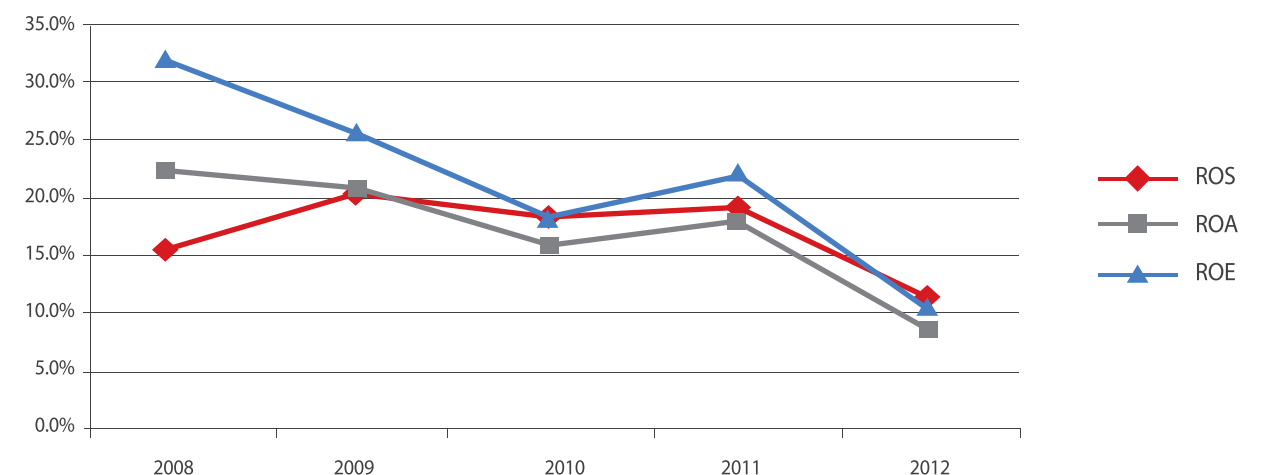


In 2012, the economy has not recovered yet, consumers reduce consuming and increase saving, bank interest is unstable, those are the numerous challenges that manufacturing companies Vietnam like Everpia Vietnam had to overcome.

Net Sales & Gross profit

The total consolidated sales of Everpia Vietnam was VND680.4 bil., a decrease of 14.8%. The main reason for the decline is as from year-beginning, Everpia Vietnam clearly defined priority of maintaining market share. In executing this target the Company had tried to avoid increasing product price, even decreasing in such larger number of promotions, in while labor costs, production cost was increasing due to high inflation through-out a year. This lead the Company's gross profit margin on continuing operation slightly felled by 5.4% from 39.8% to 34.3%.

Tỷ suất lợi nhuận/ Profitability ratios



Financial profit

In 2012, Everpia Vietnam earned VND13.5 bil. as financial income, in which over VND11.3 bil. came from sizable bank deposits. The interest expenses charged was only VND2.7 bil. from small short-term loans in USD at low rate. For the year ended December 31 2012, due to the stable of foreign exchange fluctuation during the year, the loss from it was only VND2.1 bil, a decrease of 80.5% compare with 2011.

Selling, General & Administrative Expenses

In absolute amount, Selling, General, and Administrative expenses for 2012 increased 10.8% compared to 2011. SG&A as a percentage of Net sales increased from 16.8% in 2011 to 21.8% in 2012, due primarily to higher salary expenses (which increased 17.0%) and more depreciation (which increased 32.5%) related to the construction of the new infrastructure in Hung Yen and other machinery upgrade and new transportation vehicles.

Selling expenses decreased 3.6% from VND73.0bil. in 2011 to VND70.4bil. in 2012. This result came from the cost control initiatives put in taking actions such as reduction in advertising expenses by 30.4% from VND16.0bil. in 2011 to VND11.2bil. in 2012. In 2013, the Company continues to built a stringent cost policy, aim at reducing expenses.

Final result: Everpia Vietnam had VND 74.6 bil. as consolidated net profit after tax, a decrease of 50.6% compared to 2011. Diluted net income per common share is computed by dividing net income by the weighted average number of common shares outstanding during the period, adjusted to reflect potentially dilutive securities using the treasury stock method. Thus, weighted average EPS after adjustment of 2012 was VND 3,048.

Financial ratios

While many companies are struggling to avoid bankruptcy, Everpia Vietnam showed its good capability to meet its short-term obligation by current ratio of 3.7 times as the end of year 2012 and acid test ratio of 1.8 times.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT / CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODES	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Lợi nhuận trước thuế 1. Profit before tax	01	96,081,163,407	191,126,208,729
2. Điều chỉnh cho các khoản: 2. Adjustments for:			
Khấu hao tài sản cố định Depreciation and amortisation	02	21,762,794,079	17,757,792,019
Các khoản dự phòng Provisions	03	1,138,122,039	813,154,787
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện Unrealised foreign exchange (gain)	04	(94,534,626)	113,085,423
(Lãi) từ hoạt động đầu tư (Gain) from investing activities	05	(11,435,187,026)	(15,845,193,110)
Chi phí lãi vay Interest expense	06	2,657,416,827	2,818,096,075
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động 3. Operating profit before movements in working capital	08	110,109,774,700	196,783,143,923
Biến động các khoản phải thu Changes in receivables	09	12,110,883,672	(34,719,096,115)
Biến động hàng tồn kho Changes in inventories	10	68,218,903,036	(135,909,274,172)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) Changes in accounts payable (not including accrued interest and corporate income tax payable)	11	31,868,007,033	7,018,752,685
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác Changes in prepaid expenses and other assets	12	192,365,782	(8,651,175,056)
Tiền lãi vay đã trả Interest paid	13	(3,086,834,592)	(2,298,857,515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp Corporate income tax paid	14	(29,606,456,783)	(27,508,076,356)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh Other cash outflows	16	(2,815,775,800)	(4,376,761,621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh Net cash (used in) operating activities	20	186,990,867,048	(9,661,344,227)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang 1. Acquisition of fixed assets and construction in progress	21	(115,500,673,478)	(73,227,805,041)
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn 2. Cash outflow for short-term investments	23	(141,597,083,664)	(23,694,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 3. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	89,387,337,500	3,000,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác 4. Investments in other entities	25	(374,000,000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 5. Interest earned, dividends and profits received	27	11,091,614,198	19,108,516,546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash (used in) investing activities	30	(156,992,805,44)	(74,813,288,495)

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODE	2011	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông 1. Proceeds from receiving capital from shareholders	31	-	4,100,000,000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành 2. Buying treasury shares	32	(8,029,311,342)	(2,462,123,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 3. Proceeds from borrowings	33	110,756,900,824	115,660,585,076
4. Tiền chi trả nợ gốc vay 4. Repayment of borrowings	34	(110,413,686,269)	(77,964,247,796)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông 5. Dividends paid	36	(34,384,543,000)	(30,298,715,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash (used in)/from financing activities	40	(42,070,639,787)	9,035,499,280
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM NET (DECREASE) IN CASH	50	(12,072,578,183)	(75,439,133,442)
Tiền và tương đương tiền đầu năm Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	119,403,026,916	194,842,160,358
Tiền và tương đương tiền cuối năm CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE END OF THE YEAR	70	107,330,448,733	119,403,026,916

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 1.492.944.017 VND (năm 2011: 13.403.417.984 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 14.409.220.067 VND (năm 2011: 33.681.183.993 VND), là số tiền đã chi ra để ứng trước nhà cung cấp để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu và các khoản phải trả.

Supplemental non-cash disclosures

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude an amount of VND 1,492,944,017 (2011: VND 13,403,417,984), representing an addition in fixed assets during the year that has not yet been paid, and include an amount of VND 14,409,220,067 (2011: VND 33,681,183,993), representing advances to suppliers for purchases of fixed assets and construction in progress. Consequently, changes in accounts receivable and accounts payable have been adjusted by the same amounts.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance



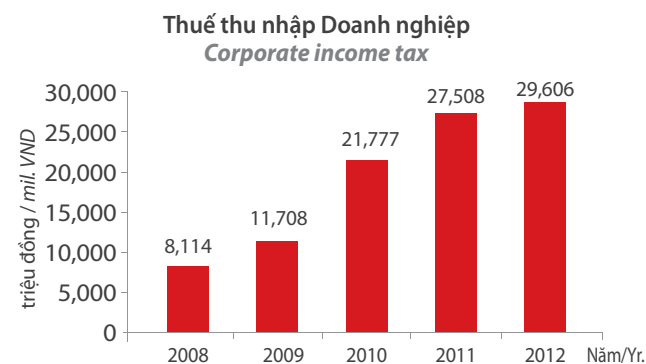
Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013 / Hanoi, 21 March 2013

CÁC HOẠT ĐỘNG PHI TÀI CHÍNH

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Trong năm 2012, Everpia Việt Nam đã nộp 29.6 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Ngân sách nhà nước quốc gia, tăng 10.7% so với năm 2011.



Chế độ lao động

Các hoạt động tập thể

Trong năm qua, các hoạt động tập thể truyền thống của Everpia Việt Nam vẫn được duy trì tổ chức và đã trở thành sự kiện được mong đợi của tất cả các thành viên trong công ty. Các hoạt động bao gồm: Đại hội Thể dục Thể thao vào tháng 3, chuyến du lịch đặc biệt tới Hàn Quốc hoặc các điểm nghỉ dưỡng trong nước như Nha Trang, Đà Lạt cho những cá nhân có thành tích xuất sắc vào tháng 5 và Hội thi tay nghề vào tháng 10.

Chính sách lương, thưởng

Mức lương cơ bản trung bình của các cán bộ công nhân viên công ty năm 2012 tăng 47.5% so với năm 2011, đạt 3,989,000 đồng. Ngoài lương cơ bản, mỗi năm, mọi nhân viên công ty đều được hưởng thêm 4 tháng lương cơ bản trả vào các đợt Tết Âm lịch, Quốc tế lao động và Quốc khánh, và Ngày thành lập công ty. Tính cho năm 2012, mức thu nhập chung của cán bộ công nhân viên thực là 6,594,000 đồng/người, tăng 18% so với 2011.

Kể từ năm 2011, mỗi chu kỳ 6 tháng, 15 đến 20 cán bộ công nhân viên xuất sắc nhất công ty sẽ được chọn và tặng thưởng những phần thưởng đặc biệt có giá trị. Đây là hoạt động mang tính chất khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên, từ khối văn phòng tới bộ phận sản xuất. Bên cạnh các chính sách phúc lợi thông thường dành cho người lao động theo quy định, Everpia Việt Nam còn có một số chính sách tăng thêm thu nhập cho công nhân như: phụ cấp hỗ trợ tay nghề, hỗ trợ thâm niên, hỗ trợ chuyên cần, hỗ trợ chi phí xăng xe đi làm.

Điều kiện làm việc

Tại Everpia Việt Nam, 2 ngành nghề kinh doanh có mùa vụ hoàn toàn trái ngược nhau. Việc sản xuất bông tấm trong điều kiện thời tiết nóng nực với hệ thống dây chuyền sản xuất lớn, còn sản xuất chăn ga với số lượng lớn công nhân



cùng làm việc trong không gian nhà xưởng đóng kín, để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân mọi hệ thống nhà xưởng của Everpia Việt Nam đều được lắp đặt hệ thống thông hơi, hạ nhiệt để tạo môi trường làm việc ôn hòa.

Tại nhà máy mới của Công ty – nhà máy số 3 tại Hưng Yên, toàn bộ các phận xưởng sản xuất đều được trang bị hệ thống điều hòa và thông hơi. Phía ngoài khu vực sản xuất là các vườn cây không chỉ tạo cảnh quan cho nhà máy còn là nơi CBCNV có thể ngồi nghỉ ngơi. Đặc biệt, Công ty còn có khu vui chơi và phòng tập thể thao giúp nhân viên thư giãn sau giờ làm việc, rèn luyện thể thao, tăng cường sức khỏe. Nhà máy thứ ba của Everpia Việt Nam tại Hưng Yên có thể được đánh giá là nhà máy sản xuất Chăn – ga – gối – đệm hiện đại và có điều kiện làm việc tốt nhất trong các nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng của Việt Nam

Vào mùa cao điểm, ngoại trừ suất ăn hàng ngày tại canteen, mỗi công nhân đều có thêm các phần bánh ngọt, sữa và hoa quả ăn thêm để đảm bảo sức khỏe, tập trung sản xuất.

CÁC HOẠT ĐỘNG PHI TÀI CHÍNH

Government tax contribution

In 2012, Everpia Vietnam paid over VND29.6bil. Corporate income tax to Government, an increase of 10.7% in comparison with 2011.



Personnel

Collective activities

In the past years, Everpia Vietnam's traditional collective activities were continuously organized. These have become expected, enjoyable events for everybody in the Company. Activities included the Sport Festival in March, special trips to Korea and to Nha Trang, Da Lat for excellent employees and agents in May and the Production skill competition in October.



Policies of salary and bonus

Employees' average basic salary in 2012 increased 47.5% relative to 2011, and achieved VND 3,989,000 per person. In addition, each person had an extra 4 months which were paid in Lunar New Year, Labor day, Independence day, and The Company Establishment date. Totally in 2011, average income of Everpia Vietnam's employee was VND 6,594,000 per person, increased 18%.

As from 2011, at the end of each half-year, from 15 to 20 excellent employees were chosen for valuable prizes. This is a promotion policy for employees to encourage a positive working attitude by all production workers as well as office staffs. In addition to regular welfare policies, Everpia Vietnam has further support allowances for workers as skill allowances, seniority allowances, gasoline, and diligence allowances.

Working environment

In Everpia Vietnam, the two businesses have opposite working seasons. Padding production takes place under high temperature caused by the summer season and heat from the big production lines; bedding production takes place with many people working within a closed workshop. These factors make a hard working environment for the Company's workers. To mitigate this hardship, Everpia Vietnam has installed air conditioning systems in all workshops to make the pleasant working environment.

At the 3rd factory in Hung Yen, all of workshops were equipped with air-conditioner systems. Around the new factory, there is green grass with trees which contributes a nice view and relax place for all employees. Especially, the Company has an entertainment zone which provides space and gym machinery for all employees to enjoy and do exercise after working time. This is considered as the modernist bedding factory in Vietnam. On high season, besides serving lunch (and/or dinner) in the Company canteen, each worker is given a ration of milk, fruit and cake.



Trách nhiệm cộng đồng



Everpia Việt Nam không chỉ được ghi nhận ở kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc mà còn là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong các hoạt động xã hội (CSR) tại Việt Nam trong các năm qua.

- Trong năm 2012 vừa qua, công ty đã trích gần 1% lợi nhuận sau thuế để hỗ trợ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, những em nhỏ sống tại các trung tâm Phục hồi chức năng, những học sinh nghèo nỗ lực vượt khó vươn lên trong học tập.
- Kết hợp cùng Hội chữ thập đỏ Việt Nam hỗ trợ các em học sinh nghèo hiếu học trên toàn quốc với tổng số tiền 190,000,000 VND (ngày 07/01/2012)
- Tài trợ học bổng cho 100 học sinh nghèo hiếu học tại huyện Đình Quán, tỉnh Đồng Nai với tổng số tiền: 200,000,000 VND (ngày 09/03/2012)



- Tặng quà chăn ga cho các hộ nghèo, những gia đình có công với cách mạng nhân ngày Thương binh liệt sỹ tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội tương đương với tổng số tiền: 10,000,000 VND (ngày 07/07/2012)
- Tài trợ 120.000.000 VND cho chương trình "Tiếp bước em tới trường" nhằm ủng hộ các em học sinh nghèo có kết quả học tập tốt tiếp tục vươn lên trong học tập (ngày 2/10/2012)

Có thể nói, CSR là một trong những hoạt động mang tính chiến lược không những giúp EVE duy trì tồn tại mà còn là lợi thế cạnh tranh nổi bật. Các hoạt động này không chỉ thể hiện tầm nhìn và định hướng mục tiêu của Everpia Vietnam mà còn thể hiện cái tâm và tinh thần của một doanh nghiệp chân chính.

Các giải thưởng đạt được

Trong năm 2012, Everpia Việt Nam đã đạt được một số những giải thưởng sau

- "Giải thưởng Thương hiệu vàng, Logo – slogan ấn tượng 2012": Đây là giải thưởng do Bộ Công Thương và Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam tổ chức nhằm tôn vinh các Doanh nghiệp xuất sắc đang sở hữu các thương hiệu uy tín và có ý thức xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển thương hiệu cũng như Logo và slogan của mình, góp phần tích cực vào công tác phòng chống nạn hàng giả, hàng nhái, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn hiện nay.
- Được vinh dự đón nhận giải thưởng "Top 50 Doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" vào ngày 19/06/2012. Giải thưởng này được trao dựa trên kết quả khảo sát và nghiên cứu, phân tích 4 chỉ tiêu tăng trưởng, bao gồm doanh thu, lợi nhuận, hệ số thu nhập trên vốn chủ sở hữu, và hệ số thu hồi vốn trên tổng vốn đầu tư trong 3 năm 2009 – 2011, nhằm tìm ra 50 công ty có kết quả hoạt động hiệu quả nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu này được thực hiện dựa trên tham khảo các cách tính xếp hạng và đánh giá doanh nghiệp của các tổ chức tư vấn quản lý toàn cầu.



- Đầu năm nay, Công ty được vinh dự là một trong 89 doanh nghiệp tiêu biểu tại Hà Nội nhận được Giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011.

Những giải thưởng này đã ghi nhận công sức và nỗ lực của Everpia Việt Nam để giữ vững danh tiếng và chất lượng sản phẩm, cố gắng đầu tư và cải tiến công nghệ trong những năm gần đây để nâng cao lợi thế trong kinh doanh và trong quản trị.

Corporate Social Responsibility



Everpia Vietnam has not only recorded outstanding business results, but has also been one of the pioneers of Corporate Social Responsibilities in Vietnam over the years.

- In 2012, Everpia Vietnam extracted nearly 1% of profit after tax to support and assist the disadvantaged children who live at rehabilitation centers, and to assist students who are financially impoverished yet excellent pupils.
- On Jan 7th 2012: In co-operation with Vietnam Red Cross to support poor student nationwide VND190,000,000
- On Mar 9th 2012: Sponsoring for scholarship to 100 poor but excellent students at Dinh Quan, Dong Nai VND200,000,000



- Jul 7th 2012: presenting bedding gifts to poor family and whose had contributed to the Revolution on occasion of Day for Martyrs and Wounded Soldiers date at Duong Xa, Gia Lam, Ha Noi – which valued VND10,000,000
- On Oct 2nd 2012, sponsoring VND 120,000,000 to "Tiep buoc em den truong" program to support poor but excellent students.

It can be said that CSR is one of the strategic activities which helps Everpia Vietnam exists and contributes to increasing its competitive advantage. These activities present not only the vision of Everpia Vietnam but also the mind and spirit of a true enterprise.

Achievements

In 2012, Everpia Vietnam achieved following awards

- "Golden brand awards, impressive logo and slogan 2012". This award is issued by the Ministry of Industry and the Trade and Vietnam Anti-counterfeiting and Brand Protection Association, which held to honor the outstanding enterprises who own reputation brands and conscious planning to protect and develop their brand, logo, as well as slogan, contributing to the prevention of counterfeiting, piracy, infringement of intellectual property rights in the current period.
- "Top 50 Performing Listed Companies in Vietnam" on Jun 19th, 2012. This prize awarded based on quantitative analysis of four growth indicators, including sales, profit, return on equity and return on capital for 3 years 2009 - 2011, in order to find out Top 50 Performing Listed Companies. This in-depth survey is taken with reference from prestigious international business rankings and methodology for evaluating corporate strategy of global management consulting organization.



- On May 2012, the Company has the honor to be one of 89 enterprises in Hanoi received Certificate of Hanoi Typical Enterprise in 2011 which was awarded by Hanoi People's Committee.

These awards recorded the contributions and efforts of Everpia Vietnam to maintain its reputation and product quality, and continue to innovate and invest in technology in recent years to prove advantages of its business and management.



**V - BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT**
AUDIT COMMITTEE REPORT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát các quy trình hoạt động của Công ty, xem xét phạm vi công việc và kết quả của Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập nhằm đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất trong việc hoàn thiện công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả tốt nhất, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Hệ thống quản trị đảm bảo rằng Ban Giám đốc duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Công ty và vốn đầu tư của cổ đông. Tại các cuộc họp

thường kỳ hàng Quý, Ban Kiểm soát luôn cử đại diện tham dự để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các quyết định HĐQT đã thông qua cũng như có ý kiến kịp thời về những vấn đề phát sinh trong quý. Do đó mọi quyết định luôn có sự thống nhất cao giữa BKS và HĐQT.

Đến hết năm 2012, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ vận hành tốt.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN TRONG NĂM 2012 / CHANGES IN MAJOR SHAREHOLDER LIST IN 2012

STT / No.	Tên cá nhân/tổ chức Shareholder	30/12/2011 Dec 30th 2011	+	-	30/12/2012 Dec 30th 2012	%
1	Lee Jae Eun	3,726,000	745,200	0	4,471,200	15.98%
2	CTCP Quản lý Quỹ đầu tư FPT / FPT Capital	600,000	3,551,532	0	4,151,532	14.83%
3	Red River Holdings	2,869,500	573,900	0	3,443,400	12.30%
4	Quỹ thành viên Việt Nhật / The Vietnam Japan Fund	1,500,000	300,000	0	1,800,000	6.43%

Ghi chú / Note:

(1) Năm 2012, Everpia Việt Nam chia cổ phiếu thường tỷ lệ 20% cho các cổ đông hiện hữu.

In 2012, Everpia Vietnam paid stock dividend at the rate of 20% for existing shareholders

(2) Trong năm, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT đã tiến hành 04 đợt mua cổ phiếu EVE

Within last year, FPT Capital JSC. bought EVE in 4 times.

GIAO DỊCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ FPT TRONG NĂM 2012 / TRANSACTIONS OF FPT CAPITAL IN 2012

STT / No.	Ngày thay đổi sở hữu Changing date	Trước GD Before transaction	+	Sau GD After transaction	Tỷ lệ sở hữu Rate of ownership	Ghi chú Remark
1	30/03/2012	600,000	120,000	720,000	2.57%	Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% Stock dividend at rate of 20%
2	22/05/2012	720,000	2,458,679	3,178,679	11.36%	Mua thêm / Buy
3	04/12/2012	3,178,679	491,736	3,670,415	13.11%	Mua thêm / Buy
4	21/12/2012	3,670,415	294,211	3,964,626	14.17%	Mua thêm / Buy
5	28/12/2012	3,964,626	186,906	4,151,532	14.83%	Mua thêm / Buy

AUDIT COMMITTEE REPORT

In the past year, the Audit Committee had checked and kept in track with the Company's regulations and workflow, considered all jobs in aspect of internal auditing, independent auditing then stated out supporting opinion for management activities, on the purpose to enhance business performance and protect shareholders' legal rights.

The Management system consisted that the Board of Director has maintained a strong Internal auditing team which fulfill its tasks to protect the Company's assets and Shareholders' equity.

At every regular BOM meeting, the Audit Committee had representative to attend to update business activities and decisions. Therefore, all made-out decisions are result of agreement of both BOM and Audit Committee.

By the end of 2012, the Audit committee had found no abnormal in the Company's financial activities. All the works had been done appropriately in accordance to Internal Control system. Financial control system has been working well.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ / STOCK TRANSACTION OF INTERNAL SHAREHOLDER

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Shareholder	Quan hệ với Công ty/cổ đông nội bộ Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Year Beginning	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Year Ending		Ghi chú Remark
				Số cổ phiếu No. of stock	%	
1	Park Soon O	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc BOM member - Deputy General Director	577,500	237,500	0.85%	Bán / Sell
2	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT - Giám đốc HCNS BOM member - Director of General Affair	34,270	20,000	0.07%	Bán / Sell
3	Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc BOM member - Deputy General Director	60,000	40,000	0.14%	Bán / Sell
4	Phan Mai Linh	Người được ủy quyền công bố thông tin Authorized for information disclosure	274,200	266,200	0.95%	Bán / Sell
5	Sung Ha Kwon	Giám đốc Tài chính CFO	18,000	130	0.00%	Bán / Sell
6	Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam Everpia Vietnam JSC.		-	479,300	1.71%	Cổ phiếu quỹ Treasury stock

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ / TRANSACTION OF INTERNAL SHAREHOLDERS' RELATED PARTY

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Shareholder	Quan hệ với Công ty/cổ đông nội bộ Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Year Beginning	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Year Ending		Ghi chú Remark
				Số cổ phiếu No. of stock	%	
1	Trương Kim Hải	Em Bà Trương Thị Kim Hoa - Thành viên Ban Kiểm soát Brother of Ms. Trương Thị Kim Hoa - AC member	-	1,110	0.00%	Mua / Buy
			1,110	10	0.00%	Bán / Sell
			1,100	-	0.00%	Bán / Sell

Ghi chú / Note:

- Bà Trương Thị Kim Hoa đã tạm ngưng vị trí thành viên Ban Kiểm soát từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (30/03/2012)

- Ms. Trương Thị Kim Hoa had stoped the position of Audit Committee member since the Annual Shareholder Meeting 2012 (Mar 30th 2012)

**TỶ LỆ SỞ HỮU VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT/
RATE OF OWNERSHIP & REMUNERATION OF BOM AND AC**

Hội đồng quản trị / Board of Management

STT No.	Họ và tên Fullname	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu Rate of ownership	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN năm 2012 (VND) Remuneration after PIT in 2012
1	Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT – Chairman	15.98%	2,521,062,300
2	Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT / BOM member	0.17%	1,463,753,284
3	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT / BOM member	0.09%	787,197,150
4	Lee Je Won	Thành viên HĐQT / BOM member	0.84%	1,008,338,956
Thành viên HĐQT không điều hành / Non-executive BOM member				
5	Jean Charles Belliol	Thành viên HĐQT / BOM member	-	74,520,000
Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành / Non-executive and Independent BOM member				
6	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT / BOM member	-	74,520,000
7	Ngô Phương Chí	Thành viên HĐQT / BOM member	-	74,520,000

(*) Ông Park Soon O tạm ngưng vị trí thành viên HĐQT từ ngày 14 tháng 11 năm 2012. Tính đến ngày 14/11/2012, số lượng cổ phiếu ông Park nắm giữ: 285.000 cổ phiếu chiếm 1.02%. Tổng thù lao, tiền thưởng ông Park đã nhận năm 2012 sau khi khấu trừ thuế: 1,083,423,180 VND

Mr. Park Soon O has stopped working as BOM member since Nov 14th 2012. As on such day, Mr. Park held 285,000 stocks, occupied 1,02% of the total stock. Total remuneration and bonus that Mr. Park had received in 2012 after PIT was: VND1,083,423,180.

Ban Kiểm soát / Audit committee

STT No.	Họ và tên Fullname	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu Rate of ownership	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN năm 2012 (VND) Remuneration after PIT in 2012
1	Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng BKS / Chief of AC	0.04%	74,520,000
2	Suh Seung Chul	Thành viên BKS / AC member	0%	74,520,000
3	Kim Byoung Tak	Thành viên BKS / AC member	0%	58,320,000
4	Trương Thị Kim Hoa	Thành viên BKS / AC member	0%	16,200,000

(*) Ông Kim Byoung Tak bắt đầu vị trí thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 4/2012 thay thế cho Bà Trương Thị Kim Hoa, việc trả thù lao cho ông được thực hiện từ ngày ông chính thức trở thành thành viên của BKS

(*) Mr. Kim Byoung Tak has started his position in Audit Committee (replaced for Ms. Trương Thị Kim Hoa) and been receiving his remuneration since April 2012



**VI - ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG
THỊ TRƯỜNG
PROSPECT**

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Bên cạnh việc đánh giá cơ hội thị trường, các thế mạnh của công ty, Everpia Việt Nam cũng đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình kinh doanh. Các yếu tố rủi ro đề cập dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất mà Everpia Việt Nam đang phải đối mặt. Có thể có những rủi ro chưa được biết đến hoặc vô hình mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



CÁC RỦI RO MANG TÍNH VÍ MÔ

Rủi ro kinh tế

Do hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng nên doanh thu của Công ty một phần phụ thuộc vào sức mua của người tiêu dùng. Khi nền kinh tế suy thoái, dấu hiệu phục hồi diễn ra chậm chạp, cộng thêm giá nhiên liệu tăng cao, tỷ lệ thất nghiệp cao, khiến cho thu nhập của người dân giảm, buộc họ phải hạn chế chi tiêu.

Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao có thể gây cản trở sự tăng trưởng nhu cầu của khu vực hàng tiêu dùng. Thêm vào đó, như phản ánh vào cuối năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam tăng 6.8% so với năm 2011. Điều này đặt áp lực lên vấn đề tiền lương ngày càng tăng tại Việt Nam.

Nếu kinh tế phục hồi chậm và kéo dài sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tốc độ tăng trưởng của Công ty, các cơ hội hợp tác, dòng tiền và cả tình hình tài chính. Điều này sẽ dẫn tới kết quả kinh doanh và lợi nhuận không mấy khả quan trong tương lai.

RỦI RO TRONG NGÀNH

Rủi ro giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Rủi ro đối với sự thay đổi giá cả đầu vào liên quan đến sự biến động giá của các nguyên nhiên liệu cho các hoạt động sản xuất như các loại xơ, vải, nhiên liệu gas, điện, xăng, v.v...Biến động giá đầu vào rất khó dự báo và có thể gây tổn hại cho kết quả tài chính của Công ty. Giá cả đầu vào biến động do ảnh hưởng các tác động của nền kinh tế hoặc các lý do khác có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động bán hàng và do đó dẫn đến kết quả doanh thu và lợi nhuận sụt giảm.

Hệ số biên lợi nhuận gộp của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi chi phí nguyên vật liệu, hiệu quả hoạt động, chi phí sản xuất, hệ thống phân phối và chiết khấu dành cho các đại lý. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng trong tương lai có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực lên tổng lợi nhuận nếu Công ty không tăng giá bán để bù đắp chi phí.

Để chủ động nguồn nguyên liệu Công ty luôn duy trì cùng lúc mối quan hệ với rất nhiều nhà cung cấp trong cùng

Rủi ro tài chính

Do chưa tìm được nhà cung cấp trong nước có thể đáp ứng được cả yêu cầu về chất lượng và số lượng, nên Công ty vẫn chủ yếu nhập các nguyên vật liệu chính từ Hàn Quốc và Trung Quốc. Tuy có nguồn thu bằng USD, nhưng số thu thường không đủ để chi cho mua nguyên vật liệu nhập khẩu, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng do sự biến động của tỷ giá hối đoái và lãi suất cho vay.

Để đối phó với các rủi ro này, Everpia Việt Nam xác định việc quản lý chặt chẽ chi phí, tính toán mức lợi nhuận cần thiết cho từng dòng sản phẩm trước khi chào bán là quan trọng. Ngoài ra, việc duy trì tình hình tài chính ít phụ thuộc vào vốn vay và duy trì mối quan hệ tốt với các ngân hàng cũng là một chiến lược của Công ty. Trong các trường hợp cần bổ sung vốn kinh doanh hoặc cần nhu cầu về ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu, ngân hàng sẽ đóng vai trò như một đối tác chiến lược hỗ trợ trong kinh doanh. Thực tế đã chứng minh trong vài năm gần đây, bằng chính sách này, Everpia Việt Nam đã được hỗ trợ các nguồn vốn giá rẻ và được đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ theo đúng tỷ giá niêm yết ngân hàng.

ngành hàng. Everpia Việt Nam tin tưởng luôn có đủ nguyên liệu cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm.

Rủi ro Thị trường và Rủi ro Cạnh tranh

Everpia Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ mạnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối mặt với các vấn đề và hàng giả, hàng nhái thiết kế, kiểu dáng nhưng chất lượng và giá thành thấp.

Đối phó với các rủi ro này, một mặt Everpia Việt Nam luôn giữ quan hệ tốt với các nhà cung cấp chính, để kịp thời nắm bắt diễn biến giá cả thị trường đầu vào, từ đó đưa ra quyết định phù hợp về thời điểm mua với số lượng mua nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế tốt nhất cho Công ty. Mặt khác, Công ty có các biện pháp tạo sự khác biệt cho sản phẩm của mình, phối hợp với các cơ quan nhà nước cũng như giới truyền thông để nâng cao sự nhận biết của khách hàng đối với sản phẩm do chính Công ty sản xuất, loại bỏ bớt nạn hàng giả hàng nhái.

RISK FACTORS

Besides estimating market opportunities and Company strengths, Everpia Vietnam also tries to estimate the risks that may happen during operation. The risk factors detailed below are not the only ones Everpia Vietnam faces. There may be additional risks presently unknown to the Company, or that the Company currently believes to be immaterial, that could affect Everpia Vietnam's business.



RISKS ON MACRO-ECONOMY

Economic risk

The Company sales depend, in part, on discretionary spending by customers. Pressure on discretionary income brought on by economic downturns and slow recoveries, including rising energy prices and weak labor markets, may cause consumers to reduce the amount they spend on discretionary items.

Increasing Consumer Price Index (CPI) may hamper the growth in demand by the consumer discretionary sector. Additionally, as reflected at the end of year 2012, the Vietnam CPI rose 6.8% compared with 2011. This puts pressure on increasing salaries in Vietnam.

If recovery from the economic downturn continues to be slow or prolonged, our operations growth, prospects, cash flows and financial condition could be adversely impacted. Unfavorable economic conditions could continue to negatively affect the Company's revenues and profitability.

RISKS ON BUSINESS

Risk on material price

The exposure to the risk of changing input prices is associated with the purchase of fibers and fabrics for production and the purchase of gas, electricity, and gasoline at variable prices. Fluctuation in input prices may harm the Company's financial results and are difficult to forecast. If input prices fluctuate as a result of economic conditions or for other reasons, our ability to service customers could be adversely affected and result in lower sales and earnings.

The gross margin is primarily impacted by the cost of raw materials, operational efficiency, product and channel mix and volume incentives offered to certain retail accounts. Future increases in raw material prices could have a negative impact on the gross margin if the Company does not raise prices to cover increased cost.

The Company does not consider itself to be dependent upon any single outside vendor as a source of supply to its bedding

Financial risk

As it has not found domestic suppliers capable of meeting both requirements of quality and quantity, the Company still imports its main materials from South Korea, and China. Although the Company has income in USD, it could not afford the imported needs, and therefore the Company's performance may be influenced by the exchange rate of VND/USD & bank rates.

To manage these risks, Everpia Vietnam defined strong expense management and cost-breakdown before sales as important. Furthermore, maintaining a healthy financial status with low liabilities and good relationship with banks is a strategic decision. Banks shall act as important strategic partners in business in cases of capital and/or USD needs. This fact was proven in recent years, when by this policy Everpia was supported by cheap lending capital and USD sources at listed price.

business, and Everpia Vietnam believe that sufficient alternative sources of supply for the same, similar or alternative components are available.

Risk on Market and Competitiveness

Everpia Vietnam must face tough competition from numbers of competitors. In addition, the Company also faces problems of low-quality and low-price imitation designs and models.

To face these risks, Everpia Vietnam keeps good relationships with its main suppliers for timely awareness of the market-price situation of input materials. This allows for finding suitable solutions for purchasing time and quantity in order to get the highest benefit. Additionally, the Company has ways to diversify its products, cooperate with state authorities and public media to increase consumer awareness of the Company's products, thereby decreasing imitated items.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG



Everpia Việt Nam tin tưởng sẽ đạt được những kế hoạch đã đưa ra cho năm 2013 dựa vào các chiến lược sau:

(1) Phát huy lợi thế cạnh tranh

Đối với ngành hàng Chăn ga: Nhu cầu tiêu dùng nội địa trong năm nay dự kiến sẽ không có sự tăng trưởng khả quan, nhưng Everpia Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục chủ động duy trì thị phần và đặt nền móng cho sự tăng trưởng tương lai. Để thực hiện mục tiêu này Công ty đã tiến hành cuộc khảo sát thị trường nhằm xác định những yếu tố tác động đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng, những yêu cầu về sản phẩm và lợi ích mà họ đánh giá cao. Từ đó phát triển những giá trị làm nên sự khác biệt trong các dòng sản phẩm của Everpia Việt Nam được người tiêu dùng đánh giá. Với những nỗ lực này, Everpia Việt Nam hy vọng hệ thống phân phối của công ty sẽ có doanh số tốt hơn và khách hàng cũng sẽ hài lòng hơn.

Ngoài việc tiếp tục khai thác lợi thế của Everon trên thị trường, và đẩy nhanh sự phát triển của thương hiệu mới Artemis và Edelin, Everpia Việt Nam tiếp tục củng cố mở rộng mạng lưới bán hàng trên toàn quốc cả trên thị trường bán lẻ và bán buôn cho các khách sạn/khu nghỉ dưỡng. Mặt khác, sau khi đưa nhà máy thứ 3 tại Việt Nam vào hoạt động, Everpia Việt Nam đã tự tin để nhận thêm nhiều các đơn hàng xuất khẩu, tăng cường tìm hiểu thêm các thị trường tiềm năng.

Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ tiếp tục phát triển kênh bán hàng trực tuyến nhằm phù hợp với các thói quen mua hàng mới của người dân. Một số dòng sản phẩm sẽ được thiết kế riêng cho kênh bán hàng này để tạo điều kiện cho người dân dễ lựa chọn nhưng cũng không ảnh hưởng tới doanh thu bán hàng của các đại lý. Các sản phẩm thiết kế riêng bao gồm sản phẩm chăn ga cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, và cả những sản phẩm chăn ga phụ trợ đặc biệt khác.

Đối với ngành hàng Bông tằm: Năm 2013, việc kinh doanh Bông tằm sẽ không còn nhiều thuận lợi: (i) các đối thủ cạnh tranh đã tìm lại đủ năng lực sản xuất, (ii) một số khách hàng Việt Nam đã nhập khẩu máy móc để tự chủ động nguyên vật liệu đầu vào, (iii) số lượng các đơn hàng may gia công từ thị trường Mỹ và Châu Âu về Việt Nam cũng giảm bớt; điều này tất yếu dẫn tới việc cạnh tranh giá.

(2) Sản phẩm mới, ngành hàng mới và cơ hội tăng trưởng
Everpia Việt Nam tin tưởng trong thời gian tới thị phần của Công ty sẽ được mở rộng nhờ vào việc đẩy mạnh hoạt động



phân phối đệm lò xo, và phân phối thêm các sản phẩm nội thất và đồ dệt may dùng cho nhà bếp. Thị trường của những sản phẩm này tại Việt Nam còn chưa được khai thác nhiều, tạo điều kiện cho công ty lợi dụng để tăng trưởng bằng việc tận dụng hệ thống đại lý sẵn có trên toàn quốc.

Mục tiêu dài hạn của Công ty là trở thành công ty hàng đầu thế giới về sản xuất và kinh doanh Chăn - ga - gối - đệm và cung cấp các sản phẩm nội thất phòng ngủ. Để đạt được mục tiêu này trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, trong thời gian tới Everpia Việt Nam sẽ tiếp tục theo đuổi các chiến lược:

- Duy trì ngành hàng kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh Chăn - ga - gối - đệm, không ngừng cho ra mắt các sản phẩm mới;
- Tăng cường các hoạt động truyền thông, quảng cáo;
- Gia tăng số lượng các cửa hàng kinh doanh sản phẩm của Everpia Việt Nam cả trong và ngoài nước;
- Đầu tư cho cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu kinh doanh bao gồm cả đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển.

(3) Kiểm soát chi phí

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, hạn chế lãng phí và thất thoát;
- Khuyến khích các sáng kiến giúp tiết kiệm nguyên liệu (xơ, vải, ga, khí đốt...);
- Tiếp tục chú trọng việc quản lý hàng tồn kho.

(4) Kiểm soát tăng trưởng

Everpia Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ về doanh thu trong suốt năm năm qua, tăng từ 334,5 tỷ đồng năm 2008 lên 680,4 tỷ đồng năm 2012. Sự tăng trưởng này đã và sẽ tiếp tục tạo áp lực lên công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, hệ thống phân phối, hệ thống thông tin và các nguồn lực khác. Đối diện với những thách thức này, Công ty tiếp tục củng cố công tác quản trị doanh nghiệp và nguồn lực tài chính bằng những chính sách tái cơ cấu hoạt động cũng như nhân sự, tái cơ cấu các khoản chi.

Với những khó khăn trước mắt, việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận, tính ổn định trong tỷ suất lợi nhuận gộp là không dễ thực hiện. Tuy nhiên, cố gắng khai thác tối đa các thế mạnh của mình, thực hiện chính sách tiết kiệm, quản lý chi phí chặt chẽ, Everpia Việt Nam đã đưa kế hoạch về Doanh thu và lợi nhuận có tăng trưởng cho năm 2013.

PROSPECT IN 2013

The Company will achieve its objectives based on the following strategy:

(1) Make use of competitive advantages

BEDDING: Domestic consumption is not expected to improve much, but Everpia Vietnam will continue to be proactive in order to maintain market share and lay foundations for future growth. To achieve this goal, the Company has conducted extensive consumer testing research to identify the processes and tools consumers use in making their purchasing decisions and the product features and benefits they value most. The output of this testing is used by the cross-functional team to develop proprietary attributes that distinguish Everpia Vietnam products in the minds of the consumers and retailers from others in the market. By developing attributes that provide demonstrable performance and quality benefits, the Company expects retail sales associates to be better able to sell our products and end consumers to find them more desirable.

On one hand, Everpia Vietnam will continue leverage on the brand equity of Everon and further develop the new brands Artemis and Edelin besides continue expanding its distribution network in both the retail and hotel&resort for the domestic market. On the other hand, after getting the 3th factory started operation in Vietnam, the Company has confident to accept more and more exporation orders and enhance searching for potential markets.

Besides, the Company will continue to deploy E-commerce sales channel which is suitable with new purchasing habit. There are patterns designed particularly for this channel to satisfy buyer's demands, while not affecting sales of agents system. New designs include bedding for infants and juniors and some special bedding models.

PADDING: In 2013, the Padding business continue to face challenges such as; (i) competitors have recovered their production capacity, (iii) jacket orders will not recover as crisis in the US and EUprolonged. All these disadvantages are expected to cause price competition.

(2) New product lines – Significant Growth Opportunities

Everpia Vietnam believes there are significant opportunities to

take market share from the spring mattress industry as well as furniture and home textiles. The market of the overall such industries in Vietnam has not been highly exploited yet, which will provide the Company with a significant opportunity for growth by existing agents network nationwide.

The long-term goal is to become the world's largest bedding company (includes bedding linen, mattress and bedroom furniture and bathroom tools). To achieve this long-term goals while also addressing the current economic environment, Everpia Vietnam expects to continue to pursue certain key strategies:

- Maintain our focus on bedding business and regularly introduce new products;
- Enhance marketing and media activities;
- Extend Everpia Vietnam's presence and increase the number of agents in both domestic and international segments;
- Invest in the operating infrastructure to meet the business requirement, including investments in Research and Development.

(3) Cost control

- A stringent cost policy, aim at reducing expenses;
- Increasing the number of initiatives in order to make materials consumption (fiber, fabric, gas, power, diesel, etc) more energy-efficient each year;
- Continue to concentrate on improving inventory management.

(4) Growth Management

Everpia Vietnam has grown rapidly, with Net sales increasing from VND 334.5 bil. in 2008 to VND 680.4 bil. in 2012. In the past, its growth has and will continue to place a strain on the management, production, product distribution network, information systems and other resources. In response to these challenges, management has constantly enhanced operating and financial infrastructure by restructuring its both organization and human resource optimizing expenses.

With difficulties in the current economic conditions, maintaining the growth rate of sales and profit, maintaining a stable gross profit margin is not easy work. However, by combining the exploitation of all existing strengths with tight management policy, Everpia Vietnam plans for higher sales and profits.

Kế hoạch Doanh thu & Lợi nhuận năm 2013 / Sales & Profit plan in 2013

Đvt: triệu đồng / unit: mil. VND

		2012	% of sales % trên DT	2011	% of sales % trên DT	Inc (%) Tăng %
Doanh thu thuần	Net Sales	685,428		800,000		16.7%
Lợi nhuận gộp	Gross profit	233,616	34.1%	276,785	34.6%	18.5%
Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	96,081	14.0%	120,001	15.0%	24.9%
Lợi nhuận sau thuế	Net profit after tax	74,564	10.9%	90,000	11.3%	20.7%

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG 5 NĂM



Định hướng phát triển chung của toàn công ty đã đề ra cho giai đoạn 2013 đến 2017 là mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và mở rộng danh mục sản phẩm. Tính đến hết năm 2012, sau khi hoàn thành xong việc xây dựng nhà máy tại Hưng Yên, mục tiêu đầu tiên của Công ty về cơ bản đã hoàn thành. Đối với hai mục tiêu còn lại, Everpia Việt Nam luôn duy trì các quy trình Phát triển sản phẩm, tập trung vào 5 điểm nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho mỗi dòng sản phẩm được đưa ra thị trường:

- Nhận diện sản phẩm thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng và các nhà bán lẻ;
- Thiết kế đặc sắc nhằm nâng cao tính năng nhận diện;
- Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào;
- Hỗ trợ tới từng đối tượng người tiêu dùng và các khách hàng;
- Quản lý việc sản xuất và phát triển sản phẩm để đảm bảo hiệu quả của từng sản phẩm.

Thị trường chăn ga gối đệm nội địa

Nhìn chung, tốc độ đô thị hóa nhanh đã thúc đẩy sức mua của người Việt Nam tăng lên. Chu kỳ cho dòng sản phẩm Chăn - Ga - Gối - Đệm ngày càng ngắn khi mà nhu cầu sử dụng sản phẩm không chỉ là sản phẩm thiết yếu, mà còn thể hiện phong cách và chất lượng sống. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức cho các công ty sản xuất Chăn - ga - gối - đệm. Hiện nay, các yếu tố cạnh tranh không chỉ là về giá, mà cả về thiết kế, chất lượng, dịch vụ khuyến mãi và hậu mãi, và cả đặc tính có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng. Để nắm bắt cơ hội và nâng cao tính cạnh tranh, Everpia Việt Nam đã gây dựng được hệ thống bán hàng trải khắp toàn quốc, tập trung nhiều tại các thành phố lớn và có tốc độ phát triển nhanh. Việc đa dạng hóa các thương hiệu chăn ga gối đệm giúp Everpia Việt Nam có thể tiếp cận được tới đa dạng khách hàng. Công ty, trong thời gian sắp tới, sẽ tiếp tục xây dựng đội ngũ những cán bộ công nhân viên tay nghề, để cùng phát triển với sự phát triển của công ty.

Thị trường chăn ga gối đệm xuất khẩu

Everpia Việt Nam dự định thâm nhập vào thị trường quốc tế thông qua các phương thức: 1) xuất khẩu trực tiếp qua các công ty con trực thuộc; 2) giấy phép thỏa thuận; và 3) thông qua đầu tư liên kết. Bằng sự đa dạng của các phương thức tiếp cận, Công ty sẽ chủ động phát triển và gia tăng danh mục

thương hiệu cho thị trường quốc tế, đồng thời hạn chế được rủi ro và đầu tư vốn vào từng thị trường riêng lẻ do tác động của bất ổn kinh tế, bất ổn chính trị hoặc thời tiết. Everpia Việt Nam tin tưởng rằng, các thị trường mới nổi, đặc biệt là tại khu vực Châu Á, Trung Đông và Đông Âu, có nhiều tiềm năng có thể đóng góp cho tăng trưởng lợi nhuận công ty.

Đánh giá tầm quan trọng của những thị trường chưa được khai thác này, Everpia Việt Nam xây dựng kế hoạch tập trung nâng cao nhận thức thương hiệu để mở rộng thị trường thông qua các đối tác hoặc đầu tư trực tiếp tại địa phương.

Đối với thị trường sản phẩm Bông tằm

Là sản phẩm công nghiệp nhẹ, cung cấp cho các nhà máy sản xuất dệt may, việc giữ vững thị trường cùng các mối quan hệ đối tác lâu dài là rất quan trọng. Trong những năm gần đây, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt do sự liên tục mở rộng sản xuất của các đối thủ hiện thời và việc trang bị thêm dây chuyền sản xuất để chủ động nguồn hàng của chính các khách hàng đang đặt ra cho công ty những thách thức mới. Cạnh tranh về giá đang là chiến lược mà các đối thủ của Everpia Việt Nam đang sử dụng để thu hút khách hàng, tuy nhiên các nhà máy sản xuất áo jacket lớn lại thường lựa chọn nhà cung cấp bông tằm rất kỹ lưỡng, không chỉ dựa trên mức giá, mà còn phụ thuộc vào tiến độ giao hàng, dịch vụ khách hàng tốt (khả năng đáp ứng một số yêu cầu bất thường của khách hàng). Do đó, các công ty sản xuất áo jacket thường có xu hướng duy trì việc đặt hàng từ các nhà máy bông tằm đáng tin cậy và có uy tín lâu năm. Do đó, dựa vào ưu thế năng lực sản xuất lớn, đội ngũ công nhân và bộ phận kinh doanh giàu kinh nghiệm cùng các mối quan hệ làm ăn lâu dài với các khách hàng lớn và truyền thống, chất lượng sản phẩm tốt, Everpia Việt Nam tự tin sẽ vẫn tiếp tục duy trì được thị phần của mình.

Đối với thị trường các sản phẩm nội thất và phòng tắm

Dựa trên hệ thống bán lẻ rộng khắp trên toàn quốc, nhu cầu mua sắm gói gọn tại một điểm dừng chân của người tiêu dùng, Everpia Việt Nam quyết định mở rộng danh mục các sản phẩm cung cấp cho phòng ngủ, bao gồm cả đồ gỗ nội thất và trang thiết bị phòng tắm. Hiện tại, Công ty đã tìm được đối tác cung cấp các sản phẩm gỗ nội thất và ký hợp đồng phân phối độc quyền tại Việt Nam. Cùng với thương hiệu chăn ga hàng đầu, Everpia Việt Nam tin tưởng rằng các xu hướng phát triển hiện nay là tiền đề tích cực hỗ trợ cho tốc độ tăng trưởng nhanh trên thị trường bán lẻ đồ nội thất, trang thiết bị phòng bếp và phòng tắm.

PROSPECT FOR THE NEXT 5 YEARS

The strategic directions of Everpia Vietnam in 5 years (2013 – 2017) are: expanding production, gaining market share and expand product range. Until the end of 2012, when the Hung Yen factory began operation, the 1st target has been achieved. To achieve the remaining ones, Everpia Vietnam will always maintain its Product Development process which emphasizes five key areas to improve the probability of success with each product that be launched:

- Identifying product benefits that appeal most to consumers and retailers;
- Designing unique product attributes that deliver the identified benefits;
- Testing the durability and quality of individual materials, & components;
- Conducting extensive consumer, customer; and
- Managing product development and execution to ensure an effective product launch.

For Domestic Bedding market:

In general, fast urbanization has improved the purchasing power of Vietnamese consumers. The product life cycle of bedding continues shorten as consumers demand innovative new designs, colors, styles, and fabrics. These factors provide further growth opportunities and threats also to all Bedding companies. Competitive factors are not only price, but also design, quality, promotion, after-sales service, and health-related issues. To exploit business opportunities and to improve competitive advantages, Everpia Viet Nam has set up its distribution channel, concentrating first in big & developing cities/provinces. The various bedding brands will allow Everpia Vietnam to target a large spectrum of consumers. The Company will continue to build up a skillful force.

For International Bedding market:

Everpia Vietnam intends to participate in international markets through several means: 1) direct investment in wholly-owned subsidiaries; 2) licensing arrangements; and 3) participation in joint ventures. The diversity of these channels allows the Company to develop and grow the brand portfolio in international markets, while allowing it to limit its risk and capital investment in certain markets due to uncertain economic, weather, or

political factors. The Company believes that emerging markets, particularly in Asia, Middle East, and Eastern Europe, offer significant potential for increasing earnings growth derived from international sources.

Given the magnitude of these untapped markets, Everpia Vietnam plans to continue expanding its geographic reach into developing markets with a focus to drive brand recognition whether through partnering with others or by making direct investments in the geographic territory.

For Padding Business:

As padding is a B2B business, maintaining market share via long-term customer relationships is very important. In recent years, tougher competition due to the ongoing expansion of existing rivals and new production line purchased for self-supplying of our own customers raising a new set of challenges for the Company. Price competition is a strategy which rivals are using to attract customers. However jacket manufacturers which have huge production constraint, carefully select padding suppliers based on several criteria other than price, such as: good track record of timely delivery, strong production capacity to take large order, good customers services (ability to handle customers exceptional requirements). Hence jacket companies tends to deal with reliable padding manufacturers with whom they have long standing relationship. Thus, with one of the highest production capacity in the industry, long-term relationship with major customers, reputation of good customers service and good quality product, Everpia Vietnam will continue to maintain its market share in the padding sector.

For furniture & bathroom textiles:

Deploy the Company's nationwide points of sales network, consumers' 1-stop shopping habit, Everpia Vietnam decides to expand products category to bedding room's needs, which includes wooden furniture and bathroom textiles. Currently, the Company has found and signed contract with a partner for exclusive distribution of furniture in Vietnam. Together with leading bedding brands, Everpia Vietnam believes that several trends support the positive outlook for long-term growth of the Furniture & Kitchen and Bathroom textiles retail market.

Dự báo tình hình tài chính 2013 – 2017 / Anticipated performance from 2013 - 2017

Dvt: triệu đồng / unit: mil. VND

Khoản mục	Section	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	Net Sales	685,528	800,000	981,331	1,231,166	1,551,611	1,965,874
Thu nhập từ HĐKD	Operating income	95,347	113,387	157,675	189,487	248,948	314,284
Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	97,587	120,001	172,924	210,010	273,687	343,037
Lợi nhuận thuần	Net profit after tax	76,064	90,000	129,693	157,508	205,265	257,278
Tăng trưởng (n / n)	Growth (yr / yr)						
Doanh thu	Net sales	-14.4%	16.7%	22.7%	25.5%	26.0%	26.7%
Thu nhập từ HĐKD	Operating income	-50.0%	18.9%	39.1%	20.2%	31.4%	26.2%
Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	-48.9%	23.0%	44.1%	21.4%	30.3%	25.3%



**VII - BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT
AND NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 27. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2013
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0898/KTV

To: The shareholders, the Boards of Management and Directors Everpia Vietnam Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated balance sheet of Everpia Vietnam Joint Stock Company ("the Company") as at 31 December 2012, the related consolidated statements of income and cash flows for the year then ended, and the notes thereto (collectively referred to as "the consolidated financial statements") prepared on 21 March 2013, as set out from page 4 to page 27. The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Respective Responsibilities of the Board of Directors and Auditors

As stated in the Statement of the Board of Directors on pages 1 and 2, these consolidated financial statements are the responsibility of the Company's Board of Directors. Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit.

Basis of Opinion

We have conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the consolidated financial statements are free of material misstatements. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management, as well as evaluating the overall consolidated financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

In our opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2012 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing relevant regulations in Vietnam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2013
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0898/KTV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động 40 năm kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.028 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.029).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các Công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty, tương đương 5.568.000.000 VND. Số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.125.000.000 VND, trong đó, số vốn Công ty thực góp là 2.395.160.000 VND.

- Công ty TNHH Everpia Campuchia, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số Co.2428 E/2012 ngày 13 tháng 9 năm 2012 do Bộ Thương Mại Vương Quốc Campuchia cấp với vốn điều lệ là 1,200,000,000 KHR tương đương 10.000.000.000 VND, thuộc sở hữu 100% của Công ty. Số vốn Công ty góp vào Công ty TNHH Everpia Campuchia tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 720.000.000 KHR tương đương 6.248.500.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Everpia Campuchia là kinh doanh mua bán, trao đổi xuất nhập khẩu các loại hàng hóa; cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ đào tạo; cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

1 GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Everpia Vietnam Joint Stock Company (“the Company”) was established and transformed from a wholly foreign invested company - Everpia Vietnam Company Limited under Investment Certificate No. 011033000055 dated 27 April 2007 issued by Hanoi People’s Committee, as amended. The Company’s operating duration is 40 years from 04 September 2003.

The Company’s office is located at Duong Xa Commune, Gia Lam District, Hanoi.

The number of employees as at 31 December 2012 was 1,028 (31 December 2011: 1,029).

As at 31 December 2012, the Company has subsidiaries as follows:

- Mattpia Vietnam Joint Stock Company which was established under Investment Certificate No. 051033000003 dated 30 July 2008 issued by Hung Yen Planning and Investment Department with the charter capital of VND 9,600,000,000. Its main business operation is to manufacture mattress and related products, to import mattress and related products materials. Under this subsidiary’s Investment Certificate, the Company’s share is 58 % of the total charter capital of Mattpia Vietnam Joint Stock Company, equivalent to VND 5,568,000,000. The contributed capital is VND 4,125,000,000 as at 31 December 2012, in which the Company’s capital contribution was VND 2,395,160,000.

- Everpia Cambodia Co., Ltd, this Company was established under Investment Certificate No. Co. 2428 E/2012 dated 13 September 2012 issued by the Ministry of Trading of Cambodia Kingdom with the charter capital of KHR 1,200,000,000 (equivalent to VND 10,000,000,000), owned 100% by the Company. The Company’s capital contribution is KHR 720,000,000 (equivalent to VND 6,248,500,000) as at 31 December 2012. Its main business operation is trading, importing and exporting goods; providing health care services, providing education services; providing financial advisory services.

Principal activities

The principal activities of the Company are to produce non-knitting cloth, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsacks, bags, underclothing and other garment products.

2 ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing relevant regulations in Vietnam.

Financial year

The Company’s financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3 ADOPTION OF NEW ACCOUNTING GUIDANCE

On 24 October 2012, the Ministry of Finance issued Circular No. 179/2012/TT-BTC (“Circular 179”) providing guidance on recognition, measurement and treatment of foreign exchange differences in enterprises. Circular 179 came into effect from 10 December 2012 and is applied from financial year 2012. Circular 179 provides detailed guidance on the exchange rates applicable to payment and revaluation of monetary items denominated in foreign currencies. According to the Board of Directors’ assessment, Circular 179 has immaterial effect on the Company’s consolidated financial statements for the year ended 31 December 2012.

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing relevant regulations in Vietnam requires management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the management’s best knowledge, actual results may differ from those estimates.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

Basis on consolidation

The consolidated financial statements incorporate the financial statements of the Company and enterprises controlled by the Company (its subsidiaries) up to 31 December each year. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiaries to bring the accounting policies used in line with those used by the Company.

All inter-company transactions and balances between group enterprises are eliminated on consolidation.

Minority interests in the net assets of consolidated subsidiaries are identified separately from the Company's equity therein. Minority interests consist of the amount of those interests at the date of the original business combination (see below) and the minority's share of changes in equity since the date of the combination. Losses applicable to the minority in excess of the minority's interest in the subsidiary's equity are allocated against the interests of the Company except to the extent that the minority has a binding obligation and is able to make an additional investment to cover the losses.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognised as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to profit and loss in the period of acquisition.

The interest of minority shareholders is initially measured at the minority's proportion of the net fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

At the date of initial recognition, financial assets are recognised at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, trade receivables and other receivables, financial investments.

Financial liabilities

At the date of initial recognition financial liabilities are recognised at cost net of transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise trade payables and other payables, borrowings and accrued expenses.

Re-measurement after initial recognition

Currently, there are no requirements for the re-measurement of the financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Provision for doubtful debts

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing relevant regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the consolidated balance sheet date.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012(số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2012 (số năm)	2011 (số năm)
Thương hiệu	20	20
Kênh phân phối	15	15
Phần mềm máy tính	04	04
Tài sản vô hình khác	04	04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê trả trước tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	2012 (years)
Buildings and structures	25 - 30
Machinery and equipment	06 - 15
Office equipment	06 - 08
Motor vehicles	09 - 10
Others	04 - 10

Intangible fixed assets and amortisation

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation, which represent trademark, distribution channel, computer software and other intangible assets. Intangible fixed assets are amortised using the straight-line method over their useful lives as follows:

	2012 (years)	2011 (years)
Trademark	20	20
Distribution channel	15	15
Computer software	04	04
Others	04	04

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for the purposes not yet determined, are carried at cost. Cost includes professional fees, and for qualifying assets, borrowing costs dealt with in accordance with the Company's accounting policy. Depreciation of these assets, on the same basis as other property assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Long-term prepayments

Long-term prepayments represent showroom rentals and other long-term prepayments.

Showroom rental prepayments present rentals for showroom at Keangnam Tower, Pham Hung Street, Hanoi for 45 years from 2012. Rentals are allocated in the income statement using the straight-line method over the Company's operation period of 32 years according to its Investment certificate.

Other long-term prepayments comprise costs of small tools, supplies and spare parts that are expected to provide future economic benefits to the Company for more than one year. These costs have been capitalised as long-term prepayments and allocated to the income statement using the straight-line method over the period in accordance with the current prevailing accounting regulations.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Tổng cục Thuế gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 5 năm 2008, đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh được ưu đãi, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh, và thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng của giai đoạn 10 năm áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 20%.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% từ đối với thu nhập hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh khác không thuộc đối tượng được ưu đãi.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

Severance allowance payable

The severance allowance is accrued at the end of each reporting period for all employees having worked for the Company for more than 12 months as of 31 December 2008 with the allowance made for each year of service up to 31 December 2008 equaling to a half of an average monthly salary under the Labour Code, Social Insurance Code and relevant guiding documents. The average monthly salary used for calculation of severance allowance shall be adjusted to be the average of 6 consecutive months nearest to the date of the financial statements at the end of each reporting period. The increase or decrease in the accrued amount shall be recorded in the income statement.

Foreign currencies

The Company applies the method of recording foreign exchange differences in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 (VAS 10) “Effects of changes in foreign exchange rates” and Circular No. 179/2012/TT-BTC dated 24 October 2012 by the Ministry of Finance providing guidance on recognition, measurement and treatment of foreign exchange differences in enterprises. Accordingly, transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the consolidated income statement. Unrealised exchange gains at the balance sheet date are not treated as part of distributable profit to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets.

All other borrowing costs are recognised in the consolidated income statement when incurred.

Provisions

Provisions are recognised when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the management’s best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

Under Decree No. 24/2000/ND-CP dated 31 July 2000, Official Letter No. 4130/TCT-CS dated 03 November 2008 issued by the General Taxation Department to Hanoi Taxation Department and Report dated 26 May 2008, the Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% income applied for operating activities with tax incentive over 10 years from business commencement date and 25% for the following years. The Company is entitled to tax exemption in the first profit-making year and 50% reduction in tax payable for the next 2 years. This is the final year of 10-year-period in which the Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20%.

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 25% to financial activities and other activities which are not eligible for tax incentives.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis. The Company did not recognise deferred tax as at 31 December 2012 because there was no significant temporary difference between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities’ examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	537.375.431	384.493.308
Tiền gửi ngân hàng	16.845.573.271	4.419.702.258
Các khoản tương đương tiền (*)	89.947.500.031	114.598.831.350
	107.330.448.733	119.403.026.916

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	16.532.480.512	5.787.596.203
Nguyên liệu, vật liệu	137.053.843.238	191.326.082.407
Công cụ, dụng cụ	-	85.616.520
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.424.337.193	4.751.957.479
Thành phẩm	130.302.461.941	154.247.007.894
Hàng hóa	7.089.082.822	4.192.654.616
Hàng gửi đi bán	12.969.859	243.163.482
	292.415.175.565	360.634.078.601

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	42.871.156.276	182.049.736.957	6.616.606.604	15.211.529.592	2.152.232.581	248.901.262.010
Tăng trong năm	132.251.017.415	14.626.055.057	161.125.112	2.609.137.819	6.499.291.212	156.146.626.615
Tại ngày 31/12/2012	175.122.173.691	196.675.792.014	6.777.731.716	17.820.667.411	8.651.523.793	405.047.888.625
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	18.648.421.746	85.145.916.595	5.689.744.478	2.646.081.727	1.266.791.887	113.396.956.433
Trích vào chi phí trong năm	2.224.917.704	13.958.307.457	749.228.811	1.701.654.950	635.738.928	19.269.847.850
Tại ngày 31/12/2012	20.873.339.450	99.104.224.052	6.438.973.289	4.347.736.677	1.902.530.815	132.666.804.283
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	154.248.834.241	97.571.567.962	338.758.427	13.472.930.734	6.748.992.978	272.381.084.342
Tại ngày 31/12/2011	24.222.734.530	96.903.820.362	926.862.126	12.565.447.865	885.440.694	135.504.305.577

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 34.467.065.094 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 32.135.648.698 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 thuyết minh báo cáo tài chính, nguyên giá sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm dây chuyền máy móc sản xuất bông với số tiền 8.184.427.779 VND được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam).

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

5 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cash on hand	537.375.431	384.493.308
Cash in bank	16.845.573.271	4.419.702.258
Cash equivalents (*)	89.947.500.031	114.598.831.350
	107.330.448.733	119.403.026.916

(*) Cash equivalents comprise deposits with terms within 3 months. These deposits earn fixed interest rates and can be converted to demand deposits at any time.

6 SHORT-TERM INVESTMENTS

Short-term investments present time deposits with term of more than 3 months and less than one year.

7 INVENTORIES

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Goods in transit	16.532.480.512	5.787.596.203
Raw materials	137.053.843.238	191.326.082.407
Tools and supplies	-	85.616.520
Work in progress	1.424.337.193	4.751.957.479
Finished goods	130.302.461.941	154.247.007.894
Merchandise	7.089.082.822	4.192.654.616
Goods on consignment	12.969.859	243.163.482
	292.415.175.565	360.634.078.601

8 TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Office equipment VND	Motor vehicles VND	Others VND	Total VND
COST						
As at 01/01/2012	42.871.156.276	182.049.736.957	6.616.606.604	15.211.529.592	2.152.232.581	248.901.262.010
Additions	132.251.017.415	14.626.055.057	161.125.112	2.609.137.819	6.499.291.212	156.146.626.615
As at 31/12/2012	175.122.173.691	196.675.792.014	6.777.731.716	17.820.667.411	8.651.523.793	405.047.888.625
ACCUMULATED DEPRECIATION						
As at 01/01/2012	18.648.421.746	85.145.916.595	5.689.744.478	2.646.081.727	1.266.791.887	113.396.956.433
Charge for the year	2.224.917.704	13.958.307.457	749.228.811	1.701.654.950	635.738.928	19.269.847.850
As at 31/12/2012	20.873.339.450	99.104.224.052	6.438.973.289	4.347.736.677	1.902.530.815	132.666.804.283
NET BOOK VALUE						
As at 31/12/2012	154.248.834.241	97.571.567.962	338.758.427	13.472.930.734	6.748.992.978	272.381.084.342
As at 31/12/2011	24.222.734.530	96.903.820.362	926.862.126	12.565.447.865	885.440.694	135.504.305.577

As at 31 December 2012, the cost of the Company's fixed assets includes VND 34,467,065,094 (31 December 2011: VND 32,135,648,698) of fixed assets which have been fully depreciated but are still in use.

As mentioned in Note 13 of notes to the consolidated financial statements, at 31 December 2012, cost of padding production line valued at VND 8,184,427,779 is pledged for short-term loans from ANZ Bank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	9.859.985.327	4.733.323.880	1.153.700.668	391.839.436	16.138.849.311
Trích vào chi phí trong năm	1.226.248.020	516.362.640	574.393.149	175.942.420	2.492.946.229
Tại ngày 31/12/2012	11.086.233.347	5.249.686.520	1.728.093.817	567.781.856	18.631.795.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	12.408.266.653	2.581.813.480	3.724.700.372	119.111.831	18.833.892.336
Tại ngày 31/12/2011	13.634.514.673	3.098.176.120	4.299.093.521	295.054.251	21.326.838.565

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lắp đặt hệ thống POS	1.809.376.364	1.120.150.001
Xây dựng Nhà máy Hưng Yên (*)	-	41.296.440.465
	1.809.376.364	42.416.590.466

(*) Công trình xây dựng Nhà máy Hưng Yên II, tại Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 11 năm 2012.

11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 6.600, tương đương 1.397.200.000 VND.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền thuê Showroom Keangnam	9.196.375.639	8.719.746.889
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	5.855.773.568	4.767.649.526
Thiết bị quản lý văn phòng	363.950.412	1.005.131.081
Khác	59.389.652	47.963.387
	15.475.489.271	14.540.490.883

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

9 INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Trademark VND	Distribution channel VND	Computer software VND	Others VND	Total VND
COST					
As at 01/01/2012	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
Addition	-	-	-	-	-
As at 31/12/2012	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
ACCUMULATED AMORTISATION					
As at 01/01/2012	9.859.985.327	4.733.323.880	1.153.700.668	391.839.436	16.138.849.311
Charge for the period	1.226.248.020	516.362.640	574.393.149	175.942.420	2.492.946.229
As at 31/12/2012	11.086.233.347	5.249.686.520	1.728.093.817	567.781.856	18.631.795.540
NET BOOK VALUE					
As at 31/12/2012	12.408.266.653	2.581.813.480	3.724.700.372	119.111.831	18.833.892.336
As at 31/12/2011	13.634.514.673	3.098.176.120	4.299.093.521	295.054.251	21.326.838.565

10 CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Point of Sales System	1.809.376.364	1.120.150.001
Hung Yen II Factory Project (*)	-	41.296.440.465
	1.809.376.364	42.416.590.466

(*) The construction of Hung Yen II Factory at Tan Quang, Van Lam, Hung Yen has been completed and the factory has been put into use since November 2012.

11 OTHER LONG-TERM INVESTMENTS

Other long-term investments represent an investment in 6,600 shares of Bac Ninh Pharmaceuticals Joint Stock Company valued at VND 1,397,200,000.

12 LONG-TERM PREPAYMENTS

	31/12/2012	31/12/2011
Showroom rentals at Keangnam	9.196.375.639	8.719.746.889
Office equipment	5.855.773.568	4.767.649.526
Office equipment	363.950.412	1.005.131.081
Others	59.389.652	47.963.387
	15.475.489.271	14.540.490.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (i)	22.446.341.300	26.052.508.642
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	-	11.856.914.061
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên (ii)	6.536.600.017	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (iii)	7.769.471.426	-
Ông Lee Kyung Sung (iv)	2.129.991.922	800.000.000
	38.882.404.665	38.709.422.703

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

(i) Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) ("Ngân hàng ANZ") theo hợp đồng vay ngày 02 tháng 11 năm 2011 với hạn mức 2.800.000 USD, chịu lãi suất 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay, cho mục đích mua nguyên vật liệu hoặc thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành.

Khoản vay được đảm bảo bằng:

- (a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho ở Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;
- (b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và
- (c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn không có bảo đảm từ Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hưng Yên theo Hợp đồng vay số 120285/VCB.HY ngày 31 tháng 7 năm 2012. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2013 và có thể được rút bằng đồng VND hoặc USD với hạn mức VND 100.000.000.000, chịu lãi suất 3,5%/năm, cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD, với thời hạn hiệu lực đến 29 tháng 4 năm 2015, chịu lãi suất 2%/năm, cho mục đích nhập khẩu.

Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tất cả các khoản thu từ tất cả các bên liên quan và hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty với giá trị bằng ít nhất 100% giá trị tiện ích.

(iv) Khoản vay ngắn hạn không có bảo đảm từ ông Lee Kyu Sung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 9,6%/năm đến 12%/năm.

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.999.857.149	2.089.673.854
Thuế xuất, nhập khẩu	258.446.547	1.481.241.924
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.119.795.728	43.208.721.984
Thuế thu nhập cá nhân	690.110.282	2.227.501.763
Các loại thuế khác	80.258.390	57.508.629
	38.148.468.096	49.064.648.154

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

13 SHORT-TERM LOANS AND LIABILITIES

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
ANZ Bank (Vietnam) Limited (i)	22.446.341.300	26.052.508.642
Tien Phong Joint Stock Commercial Bank - Thang Long Branch	-	11.856.914.061
Bank of Foreign Trade of Vietnam- Hung Yen branch (ii)	6.536.600.017	-
HSBC Bank (Vietnam) Ltd. (iii)	7.769.471.426	-
Mr Lee Kyung Sung (iv)	2.129.991.922	800.000.000
	38.882.404.665	38.709.422.703

Short-term loans represent:

(i) Short-term loan from ANZ Bank (Vietnam) Limited ("ANZ Bank") under the contract dated 2 November 2011 with the credit limit of USD 2,800,000 and the interest rate of 2.25% per annum plus capital cost. The short-term loan is used to purchase materials or paying at-sight letters of credit issued by ANZ Bank.

This loan is secured by:

- (a) goods in Dong Nai warehouse and receivables with a minimum value of 100% of the loan limit;
- (b) padding production line with th value of USD 436,048; and
- (c) any guarantee or credit support methods that can be provided to ANZ Bank from time to time.

(ii) Short-term loan unsecured from Vietcombank - Hung Yen Branch under Contract No. 120285/VCB.HY dated 31 July 2012 with the credit limit of VND 100 billion at the interest rat of 3.5% per annum, this loan is used to supplement working capital.

(iii) Short-term loan from HSBC (Vietnam) Bank with the credit limit of USD 2,000,000. This loan is expired on 29 April 2015 and bears interest rate of 2% per annum and is used for importing.

This loan is secured by all receivables from related parties and all goods in the Company's stores with minimum value of credit limit.

(iv) Short-term loans from Mr. Lee Kyu Sung to supplement working capital with interest rates from 9.6% per annum to 12% per annum. These loans are unsecured.

14 TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Value added tax	1.999.857.149	2.089.673.854
Import and export duties	258.446.547	1.481.241.924
Corporate income tax	35.119.795.728	43.208.721.984
Personal income tax	690.110.282	2.227.501.763
Other taxes	80.258.390	57.508.629
	38.148.468.096	49.064.648.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả cổ tức bằng tiền mặt	684.813.000	685.277.000
Phải trả xây dựng nhà máy Hưng Yên II	19.022.933.038	-
Phải trả khác	5.474.234.781	2.524.330.486
	25.181.980.819	3.209.607.486

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	153.279.960.000	191.000.000.000	-	3.501.804.790	225.796.039.347	573.577.804.137
Phát hành cổ phiếu	4.100.000.000	-	-	-	-	4.100.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	76.639.900.000	-	-	-	(76.639.900.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	150.773.036.467	150.773.036.467
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(30.655.992.000)	(30.655.992.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.462.123.000)	-	-	(2.462.123.000)
Giảm khác	-	-	-	(4.326.006.349)	518.503.822	(3.807.502.527)
Số dư tại ngày 01/01/2012	234.019.860.000	191.000.000.000	(2.462.123.000)	4.294.382.346	264.673.103.731	691.525.223.077
Phát hành cổ phiếu (i)	45.845.320.000	-	-	-	-	45.845.320.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	74.725.675.970	74.725.675.970
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	7.532.192.855	(7.532.192.855)	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	(80.229.399.000)	(80.229.399.000)
Mua cổ phiếu quỹ (iii)	-	-	(8.029.311.356)	-	-	(8.029.311.356)
Giảm khác (iv)	-	-	-	(2.815.775.800)	(34.961.714)	(2.850.737.514)
Số dư tại ngày 31/12/2012	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.010.799.401	251.602.226.132	720.986.771.177

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 30 tháng 3 năm 2012, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được tăng thêm 7.532.192.855 VND tương đương với 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2011.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 30 tháng 3 năm 2012, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% (tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được thưởng 20 cổ phiếu mới) và bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% mệnh giá (1.500 VND/cổ phiếu). Số cổ tức trả bằng cổ phiếu đã được Công ty chuyển thành vốn điều lệ theo Chứng nhận đầu tư số 011033000055 thay đổi ngày 04 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 002/NQHĐQT ngày 07 tháng 3 năm 2012, Công ty quyết định mua lại 563.150 cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ thực mua lại là 330.400 cổ phiếu với giá trị 8.029.311.356 VND.

(iv) Chi quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trả cho các chi phí thuộc dự án Nhà máy Hưng Yên II với số tiền 2.815.775.800 VND, theo phê duyệt của Tổng Giám đốc, và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

15 OTHER PAYABLE

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cash dividend payable	684.813.000	685.277.000
Payables of Hung Yen II Factory construction	19.022.933.038	-
Others	5.474.234.781	2.524.330.486
	25.181.980.819	3.209.607.486

16 SHAREHOLDERS' EQUITY

Movement in shareholders' equity

	Charter capital	Share premium	Treasury shares	Other shareholders' funds	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Balance as at 01/01/2011	153.279.960.000	191.000.000.000	-	3.501.804.790	225.796.039.347	573.577.804.137
Issuance of shares	4.100.000.000	-	-	-	-	4.100.000.000
Capital increase from retained earnings	76.639.900.000	-	-	-	(76.639.900.000)	-
Profit for the period	-	-	-	-	150.773.036.467	150.773.036.467
Fund distributions	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)	-
Dividends declared	-	-	-	-	(30.655.992.000)	(30.655.992.000)
Purchase of treasury shares	-	-	(2.462.123.000)	-	-	(2.462.123.000)
Other decreases	-	-	-	(4.326.006.349)	518.503.822	(3.807.502.527)
Balance as at 01/01/2012	234.019.860.000	191.000.000.000	(2.462.123.000)	4.294.382.346	264.673.103.731	691.525.223.077
Issuance of shares (i)	45.845.320.000	-	-	-	-	45.845.320.000
Profit for the period	-	-	-	-	74.725.675.970	74.725.675.970
Fund distribution (i)	-	-	-	7.532.192.855	(7.532.192.855)	-
Dividends declared (ii)	-	-	-	-	(80.229.399.000)	(80.229.399.000)
Purchase of treasury shares (iii)	-	-	(8.029.311.356)	-	-	(8.029.311.356)
Other decreases (iv)	-	-	-	(2.815.775.800)	(34.961.714)	(2.850.737.514)
Balance as at 31/12/2012	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.010.799.401	251.602.226.132	720.986.771.177

(i) As approved in the Resolution of the Annual General Shareholders' Meeting on 30 March 2012, other shareholders' funds were increased by VND 7,532,192,855, equivalent to 5% of 2011 profit after tax.

(ii) According to Resolution of the Annual General Shareholders' Meeting dated 30 March 2012, the Company decided to pay share dividends for the year 2011 at the rate of 20% (a shareholder who owns 100 shares will get 20 new shares) and cash dividends at the rate of 15% (VND 1,500/share). The share dividends were converted into charter capital of the Company under Certificate of Investment No. 011033000055 as amended on 04 September 2012 issued by Hanoi People's Committee.

(iii) According to the Board of Management's Resolution No. 002/NQHĐQT dated 07 March 2012, the Company decided to buy 563,150 treasury shares. The Company has bought 330,400 treasury shares equivalent to VND 8,029,311,356.

(iv) Payment from other shareholders' funds is for expenses related to Hung Yen II Factory Project with the amount of VND 2,815,775,800 as approved by the Company's General Director and to be submitted to General Shareholders for approval.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 04 tháng 9 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27.986.518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/12/2012	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15,92%	4.455.857	44.558.574.944	15,92%	44.558.574.944
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12,26%	3.431.564	34.315.636.232	12,26%	34.315.636.232
Các cổ đông khác	71,82%	20.099.097	200.990.968.824	71,82%	200.990.968.824
	100%	27.986.518	279.865.180.000	100%	279.865.180.000

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.986.518	23.401.986
Số lượng cổ phiếu quỹ	479.300	148.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.507.218	23.253.086

17 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Công ty có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và Cam-pu-chia, trong đó, tỷ lệ tài sản và doanh thu của Công ty con tại Cam-pu-chia chiếm dưới 10% trên tổng tài sản, doanh thu của công ty mẹ. Theo đó, Công ty và công ty con được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

18 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	464.951.906.462	520.197.704.090
Doanh thu thành phẩm bông	149.968.958.000	213.114.785.140
Doanh thu chăn bông	45.232.888.447	52.206.645.833
Doanh thu bán hàng hóa khác	20.618.299.957	13.946.952.006
Tổng	680.772.052.866	799.466.087.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	343.682.356	798.216.445
Hàng bán bị trả lại	343.682.356	798.216.445
Doanh thu thuần về bán hàng	680.428.370.510	798.667.870.624

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

16 BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Charter Capital

Under the amended Investment Certificate dated 04 September 2012, the Company's charter capital is VND 279,865,180,000, equivalent to 27,986,518 ordinary shares with the per value of VND 10,000/share. As at 31 December 2012, the charter capital has been fully contributed by the shareholders as follows:

Shareholders	Per amended Investment Certificate			Contributed capital as at 31/12/2012	
	%	Shares	Amount VND	%	Amount VND
Mr. Lee Jae Eun	15,92%	4.455.857	44.558.574.944	15,92%	44.558.574.944
Red River Holdings Capital Limited	12,26%	3.431.564	34.315.636.232	12,26%	34.315.636.232
Other shareholders	71,82%	20.099.097	200.990.968.824	71,82%	200.990.968.824
	100%	27.986.518	279.865.180.000	100%	279.865.180.000

	31/12/2012	31/12/2011
Number of shares issued to the public	27.986.518	23.401.986
Number of treasury shares	479.300	148.900
Number of outstanding shares in circulation	27.507.218	23.253.086

17 BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

The principal activities of the Company are to produce non-knitting, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsack, bags, underclothing and other garment products. The Company's operations are located in Vietnam and Cambodia. The subsidiary's assets and sales in Cambodia account for less than 10% of the Company's total assets and sales. Accordingly, the Company and the subsidiary are considered as a reporting segment.

18 NET REVENUE FROM GOODS SOLD

	2012 VND	2011 VND
Sales of bedding products	464.951.906.462	520.197.704.090
Sales of padding products	149.968.958.000	213.114.785.140
Sales of quilting products	45.232.888.447	52.206.645.833
Other sales	20.618.299.957	13.946.952.006
Total	680.772.052.866	799.466.087.069
Deductions:	343.682.356	798.216.445
Sales return	343.682.356	798.216.445
Net revenue from goods sold	680.428.370.510	798.667.870.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	2011
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	288.288.657.958	317.337.806.691
Giá vốn thành phẩm bông	101.380.774.798	128.235.274.893
Giá vốn chăn bông	28.376.686.734	28.353.129.218
Giá vốn bán hàng hóa khác	28.766.330.192	7.166.674.261
	446.812.449.682	481.092.885.063

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11.327.565.209	15.851.144.069
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.016.668.738	5.115.630.354
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.000.000	51.431.178
Doanh thu tài chính khác	19.621.817	87.833.333
	13.451.855.764	21.106.038.934

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.657.416.827	2,818,096,075
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.144.229.821	10,993,771,262
	4.801.646.648	4.801.646.648

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	74.725.675.970	150.773.036.467
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	24.515.401	23.129.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.048	6.519
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

19 COST OF GOODS SOLD

	2012	2011
	VND	VND
Cost of bedding products sold	288.288.657.958	317.337.806.691
Cost of padding products sold	101.380.774.798	128.235.274.893
Cost of quilting products sold	28.376.686.734	28.353.129.218
Other cost of sales	28.766.330.192	7.166.674.261
	446.812.449.682	481.092.885.063

20 FINANCIAL INCOME

	2012	2011
	VND	VND
Interest income	11.327.565.209	15.851.144.069
Foreign exchange gain	2.016.668.738	5.115.630.354
Dividend income	88.000.000	51.431.178
Other financial revenue	19.621.817	87.833.333
	13.451.855.764	21.106.038.934

21 BASIC EARNINGS PER SHARE

	2012	2011
	VND	VND
Interest expense	2.657.416.827	2,818,096,075
Foreign exchange loss	2.144.229.821	10,993,771,262
	4.801.646.648	4.801.646.648

22 BASIC EARNINGS PER SHARE

	2012	2011
Earnings for the purposes of calculating basic earnings per share:		
Profit for the year attributable to equity holders of the Company (VND)	74.725.675.970	150.773.036.467
Weighted average number of ordinary shares for the purposes of calculating basic earnings per share (shares)	24.515.401	23.129.027
Basic earnings per share (VND)	3.048	6.519
Par value (VND)	10.000	10.000

23 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	38.882.404.665	38.709.422.703
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	107.330.448.733	119.403.026.916
Nợ thuần	(68.448.044.068)	(80.693.604.213)
Vốn chủ sở hữu	720.986.771.177	691.525.223.077
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.330.448.733	119.403.026.916
Đầu tư ngắn hạn	75.903.746.164	23.694.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.751.636.351	66.079.825.181
Đầu tư dài hạn	1.397.200.000	1.023.200.000
Tổng cộng	<u>256.383.031.248</u>	<u>210.200.052.097</u>
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	38.882.404.665	38.709.422.703
Phải trả người bán và phải trả khác	64.914.043.424	35.244.488.110
Chi phí phải trả	1.438.135.032	1.630.245.190
Phải trả dài hạn khác	321.868.000	321.868.000
Tổng cộng	<u>105.556.451.121</u>	<u>75.906.024.003</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

23 FINANCIAL INSTRUMENTS

Capital risk management

The Company manages its capital to ensure that the Company will be able to continue as a going concern while maximising the return to shareholders through the optimisation of the debt and equity balance.

The capital structure of the Company consists of net debt (borrowings disclosed in Note 13, offset by cash and cash equivalents) and shareholders' equity attributable to shareholders (comprising capital, reserves and retained earnings).

Gearing ratio

The gearing ratio of the Company as at the balance sheet date was as follows:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Borrowings	38.882.404.665	38.709.422.703
Less: Cash and cash equivalents	107.330.448.733	119.403.026.916
Net debt	(68.448.044.068)	(80.693.604.213)
Equity	720.986.771.177	691.525.223.077
Net debt to equity ratio	-	-

Significant accounting policies

Details of the significant accounting policies and methods adopted (including the criteria for recognition, the bases of measurement, and the bases for recognition of income and expenses) for each class of financial asset, financial liability and equity instrument are disclosed in Note 4.

Categories of financial instruments

	Carrying amount	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Financial assets		
Cash and cash equivalents	107.330.448.733	119.403.026.916
Short-term investments	75.903.746.164	23.694.000.000
Trade and other receivables	71.751.636.351	66.079.825.181
Long-term investments	1.397.200.000	1.023.200.000
Total	<u>256.383.031.248</u>	<u>210.200.052.097</u>
Financial liabilities		
Short-term loans	38.882.404.665	38.709.422.703
Trade payables and other payables	64.914.043.424	35.244.488.110
Accruals	1.438.135.032	1.630.245.190
Other long-term payable	321.868.000	321.868.000
Total	<u>105.556.451.121</u>	<u>75.906.024.003</u>

The Company has not assessed fair value of its financial assets and liabilities as at the consolidated balance date since there are no comprehensive guidance under Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 06 November 2009 (“Circular 210”) and other relevant prevailing regulations to determine fair value of these financial assets and liabilities. While Circular 210 refers to the application of International Financial Reporting Standards (“IFRS”) on presentation and disclosures of financial instruments, it did not adopt the equivalent guidance for the recognition and measurement of financial instruments, including application of fair value, in accordance with IFRS.

23 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	49.551.998.067	54.471.577.451	61.932.843.097	32.360.840.684
Euro (EUR)	-	-	-	5.346.219

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam thay đổi 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.238.084.503	(2,211,073,677)
Euro (EUR)	-	534.622
	1.238.084.503	(2,210,539,055)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

23 FINANCIAL INSTRUMENTS

Financial risk management objectives

The Company has set up risk management system to identify and assess the risks exposed by the Company and designed control policies and procedures to manage those risks at an acceptable level. Risk management system is reviewed on a regular basis to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

Financial risks include market risk (including foreign currency risk, interest rate risk and price risk), credit risk and liquidity risk.

Market risk

The Company's activities expose it primarily to the financial risks of changes in foreign currency exchange rates, interest rates and prices. The Company does not hedge these risk exposures due to the lack of any market to purchase financial instruments.

Foreign currency risk management

The Company undertakes certain transactions denominated in foreign currencies; consequently, exposures to exchange rate fluctuations arise.

The carrying amounts of the Company's foreign currency denominated monetary assets and monetary liabilities at the end of the reporting year are as follows:

	Liabilities		Assets	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
United States Dollars (USD)	49.551.998.067	54.471.577.451	61.932.843.097	32.360.840.684
Euro (EUR)	-	-	-	5.346.219

Foreign currency sensitivity analysis

The Company is mainly exposed to United States Dollar.

The following table details the Company's sensitivity to a 10% change in Vietnam Dong against the relevant foreign currencies. 10% is the sensitivity rate used when reporting foreign currency risk internally to key management personnel and represents management's assessment of the reasonably possible change in foreign exchange rates. The sensitivity analysis includes only outstanding foreign currency denominated monetary items and adjusts their translation at the period end for a 10% change in foreign currency rates. For a 10% change in the following foreign currencies against Vietnam Dong, the profit/(loss) before tax in the year would increase/decrease as follows:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
United States Dollars (USD)	1.238.084.503	(2,211,073,677)
Euro (EUR)	-	534.622
	1.238.084.503	(2,210,539,055)

Interest rate risk management

The Company has significant interest rate risks arising from interest bearing loans which are arranged. The risk is managed by the Company by maintaining an appropriate level of borrowings and analyzing market competition to enjoy favorable interest rates from appropriate lenders.

Share price risk management

Shares held by the Company are affected by market risks arising from the uncertainty about future prices of such shares. The Company manages this risk exposure by setting up investment limits. The Company's Board of Management also assesses and approves decisions on share investments such as operating industry, investees, etc. The Company assesses the share price risk to be immaterial.

The Company is also exposed to equity price risks arising from investments in subsidiaries and associates. The Company's Board of Management assesses and approves decisions on investments in subsidiaries and associates such as operating industry, investees, etc. Investments in subsidiaries and associates are held for long-term strategic investments rather than trading purposes. The Company does not have intention to trade these investments in the foreseeable future.

Commodity price risk management

The Company purchases materials from local and foreign suppliers for business purpose. Therefore, the Company is exposed to the risk of changes in selling prices of materials. The Company does not hedge this risk due to the lack of any market to purchase such instruments.

Credit risk

Credit risk refers to the risk that counterparty will default on its contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The Company has a credit policy in place and the exposure to credit risk is monitored on an on-going basis. The Company does not have any significant credit risk exposure to any counterparty because receivables consist of a large number of customers, spread across diverse industries and geographical areas.

23 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.330.448.733	-	107.330.448.733
Đầu tư ngắn hạn	75.903.746.164	-	75.903.746.164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.751.636.351	-	71.751.636.351
Đầu tư dài hạn	-	1.397.200.000	1.397.200.000
Tổng cộng	254.985.831.248	1.397.200.000	256.383.031.248

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	38.882.404.665	-	38.882.404.665
Phải trả người bán và phải trả khác	64.914.043.424	-	64.914.043.424
Chi phí phải trả	1.438.135.032	-	1.438.135.032
Phải trả dài hạn khác	-	321.868.000	321.868.000
Tổng cộng	105.234.583.121	321.868.000	105.556.451.121

Chênh lệch thanh khoản thuần	149.751.248.127	1.075.332.000	150.826.580.127
-------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.403.026.916	-	119.403.026.916
Đầu tư ngắn hạn	23.694.000.000	-	23.694.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.079.825.181	-	66.079.825.181
Đầu tư dài hạn	-	1.023.200.000	1.023.200.000
Tổng cộng	209.176.852.097	1.023.200.000	210.200.052.097

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	38.709.422.703	-	38.709.422.703
Phải trả người bán	35.244.488.110	-	35.244.488.110
Chi phí phải trả	1.630.245.190	-	1.630.245.190
Phải trả dài hạn khác	-	321.868.000	321.868.000
Tổng cộng	75.584.156.003	321.868.000	75.906.024.003

Chênh lệch thanh khoản thuần	133.592.696.094	701.332.000	134.294.028.094
-------------------------------------	------------------------	--------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23 FINANCIAL INSTRUMENTS

Liquidity risk management

The purpose of liquidity risk management is to ensure the availability of funds to meet present and future financial obligations. Liquidity is also managed by ensuring that the excess of maturing liabilities over maturing assets in any period is kept to manageable levels relative to the amount of funds that the Company believes can generate within that period. The Company's policy is to regularly monitor current and expected liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient reserves of cash, borrowings and adequate committed funding from its shareholders to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The following table details the Company's remaining contractual maturity for its non-derivative financial assets and financial liabilities with agreed repayment periods. The tables have been drawn up based on the undiscounted cash flows of financial assets including interest that will be earned on those assets, if any and undiscounted cash flows of financial liabilities based on the earliest date on which the Company can be required to pay. The table includes both interest and principal cash flows. The inclusion of information on non-derivative financial assets is necessary in order to understand the Company's liquidity risk management as the liquidity is managed on a net asset and liability basis.

31/12/2012	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	107.330.448.733	-	107.330.448.733
Short-term investments	75.903.746.164	-	75.903.746.164
Trade and other receivables	71.751.636.351	-	71.751.636.351
Long-term investments	-	1.397.200.000	1.397.200.000
Total	254.985.831.248	1.397.200.000	256.383.031.248

31/12/2012	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Short-term loans	38.882.404.665	-	38.882.404.665
Trade payables and other payables	64.914.043.424	-	64.914.043.424
Accruals	1.438.135.032	-	1.438.135.032
Other long-term payables	-	321.868.000	321.868.000
Total	105.234.583.121	321.868.000	105.556.451.121

Net liquidity gap	149.751.248.127	1.075.332.000	150.826.580.127
--------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

31/12/2011	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	119.403.026.916	-	119.403.026.916
Short-term investments	23.694.000.000	-	23.694.000.000
Trade and other receivables	66.079.825.181	-	66.079.825.181
Long-term investments	-	1.023.200.000	1,023,200,000
Total	209.176.852.097	1.023.200.000	210.200.052.097

31/12/2011	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Short-term loans	38.709.422.703	-	38,709,422,703
Trade payables	35.244.488.110	-	35,244,488,110
Accruals	1,630,245,190	-	1,630,245,190
Other long-term payables	-	321,868,000	321,868,000
Total	75.584.156.003	321.868.000	75.906.024.003

Net liquidity gap	133.592.696.094	701.332.000	134.294.028.094
--------------------------	------------------------	--------------------	------------------------

The management assessed the liquidity risk concentration at low level. The management believes that the Company will be able to generate sufficient funds to meet its financial obligations as and when they fall due.

24 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	12.096.400.754	10.638.607.903

25 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013 / Hanoi, 21 March 2013

24 RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

Directors' remuneration:

Remuneration paid to the Company's directors during the year was as follows:

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Gross salaries and other benefits	12.096.400.754	10.638.607.903

25 COMPARATIVE FIGURES

Comparative figures are those presented in the Company's audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2011.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013 / Hanoi, 21 March 2013

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT / ABBREVIATION

B/D	Chăn ga gối đệm	Bedding
P/D	Bông tắm	Padding
Q/T	Bông chăn	Quilting
EPS	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	Earnings Per Share
ROA	Hệ số thu nhập trên tài sản	Return on Assets
ROE	Hệ số thu nhập trên Vốn chủ sở hữu	Return on Equity
ROS	Hệ số thu nhập trên doanh thu	Return on Sales
Everpia Việt Nam Everpia Vietnam	Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	Everpia Vietnam Joint stock company
HDQT / BOM	Hội đồng quản trị	Board of Management
TGD / BOD	Ban Tổng giám đốc	Board of Directors
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	Hochiminh Stock Exchange
NC&PT / R&D	Nghiên Cứu và Phát triển	Research and Development
CM	Hoạt động gia công	Cut & Making
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	Consumer Price Index
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Gross Domestic Product
AG	Đại lý độc quyền tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh	Exclusive agent in Hanoi and Hochiminh city
DB	Đại lý tỉnh	Distributor in provinces
GDB	Tổng đại lý tỉnh	General Distributor in provinces



Everpia Vietnam JSC.



Mọi câu hỏi liên quan đến Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam, Quý cổ đông và các nhà đầu tư có thể liên hệ theo địa chỉ sau:

Phòng Kế hoạch
CTCP EVERPIA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
ĐT: (84-321) 37917 77 (ext: 347-8-9)
Fax: (84-321) 3791 999
Website: www.everpia.vn
Email: info@everpia.vn

Investors who have any questions about their investment in Everpia Vietnam or about Everpia Vietnam in general, may write to Planning Team as follows:

Planning Team
EVERPIA VIETNAM JSC.

Add: Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
Tel: (84-321) 37917 77 (ext: 347-8-9)
Fax: (84-321) 3791 999
Website: www.everpia.vn
Email: info@everpia.vn

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC / NOTE TO READERS

- Mọi thông tin tài chính liên quan trong báo cáo này đều lấy nguồn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2012 của công ty CP Everpia Việt Nam.

All herein financial information originated from the Audited Consolidated Financial Statement in 2012 of Everpia Vietnam JSC.

- Các thông tin về thị trường, về năng lực sản xuất đều lấy nguồn nội bộ công ty cổ phần Everpia Việt Nam. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo.

Herein marketing & production capacity information is from Everpia Vietnam's internal report. All cautiously analysed statements are appropriate as of the publication date according to our subjective assessments.



Everpia Vietnam JSC.

www.everpia.vn

